

A photograph of a modern house's entrance. The house has light grey horizontal siding. The entrance is framed by a dark brown wooden portico with thick columns and a decorative ceiling. The main door is a large, dark brown wooden double door with four vertical glass panels and a central silver handle. Above the door is a transom window with a central rectangular pane and two side square panes. Above the portico is a large four-pane window with a dark brown frame. The foreground shows a stone walkway, green hedges, and purple flowers.

GALAXY
doors

PRODUCT CATALOGUE

STEEL DOOR & HGF DOOR
WOODEN DOOR



GLX-LA101
G7302-T1

STEEL DOOR

CỬA THÉP CẢN HỘ LAMIANTE

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

1400-1800 (W) x 2000-2400 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Magnesium Oxide

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

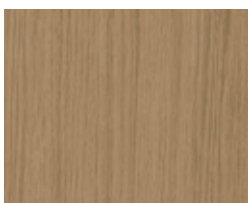
Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



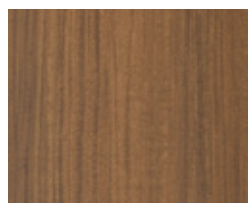
US201



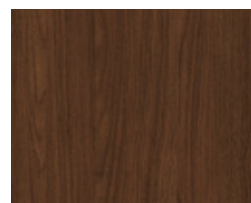
G6910-G8



A7004-F0



UM702



MT104

STEEL DOOR

CỬA THÉP CẢN HỘ LAMIANTE

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1100 (W) x 2000-2400 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

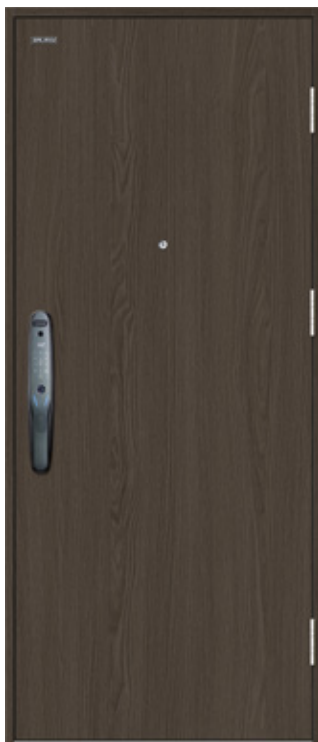
Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Magnesium Oxide



GLX-LA101

G7302-T1



GLX-LA102

G7302-T1



GLX-LA103

G6910-G8



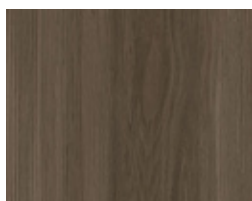
GLX-LA104

GD603-85

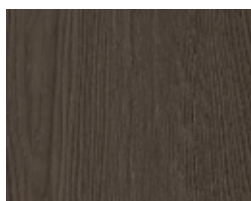


GLX-LA106

GD603-85



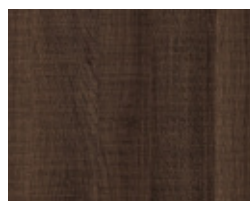
GD603-85



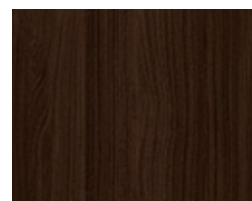
G7302-T1



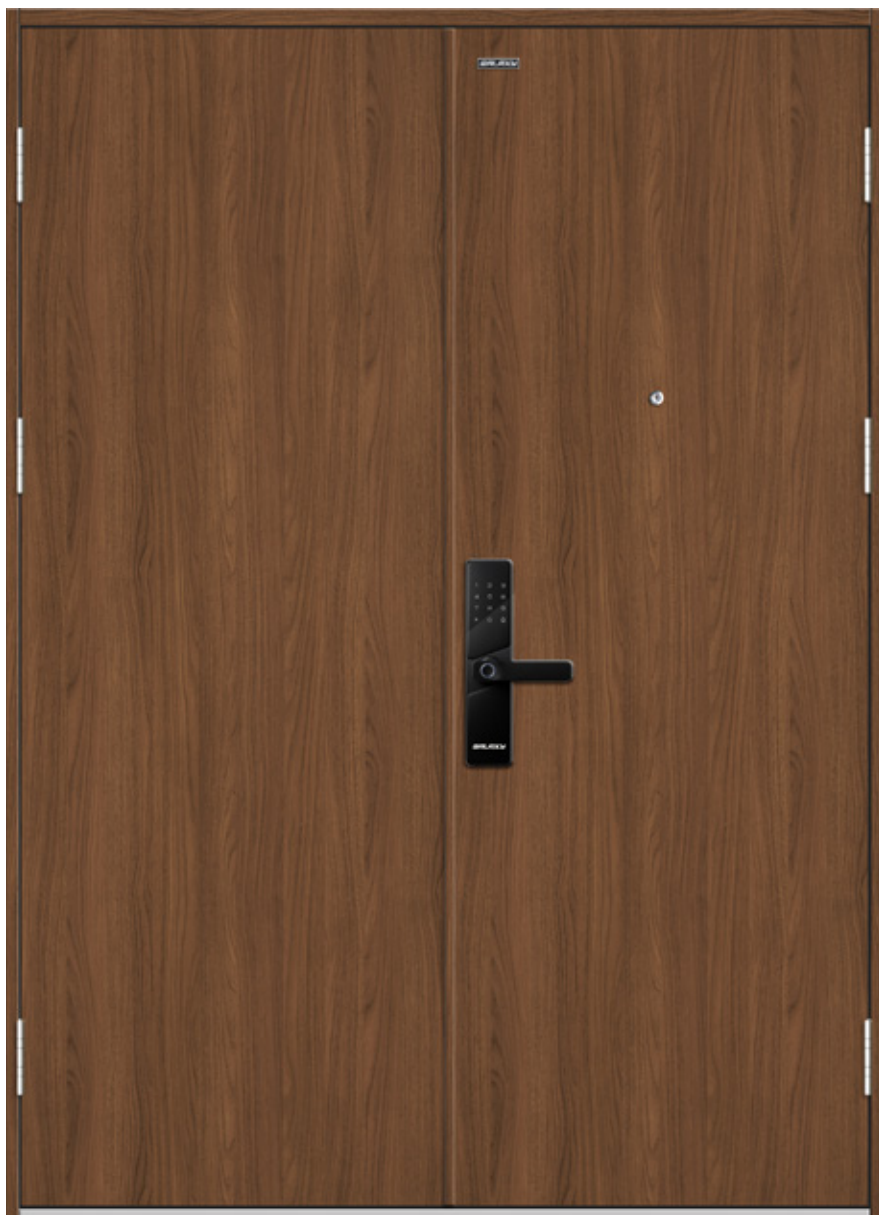
M8707



LDJ-G7809-T7V-07



MM902



GLX-HGF L1011 | MT104

HGF DOOR

CỬA HGF

Standard size (mm)*Kích thước tiêu chuẩn***1400-1800 (W) x 2000-2400 (H)**

Leaf sheet, thickness 10.0

Dày HGF mặt cánh

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

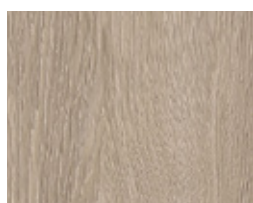
*Dày cánh***Material in the leaf door:***Vật liệu trong cánh:*

Bông khoáng Rockwool

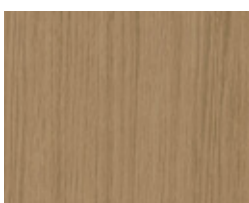
These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !

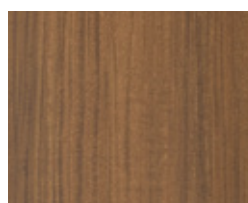
US201



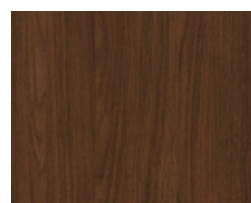
G6910-G8



A7004-F0



UM702



MT104

HGF DOOR

CỬA HGF

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1100 (W) x 2000-2400 (H)

Leaf sheet, thickness 10.0

Dày HGF mặt cánh

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

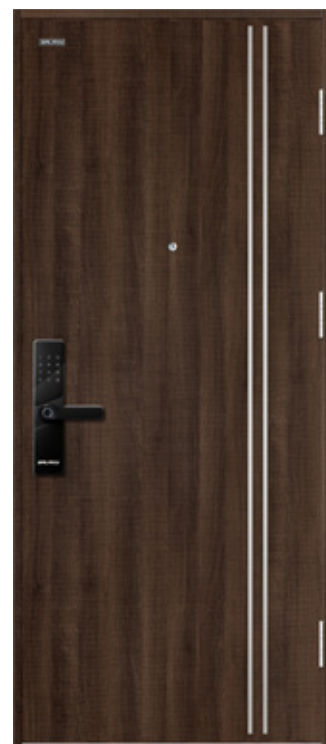
Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Bông khoáng Rockwool



GLX-HGF L1012 | A7004-F0



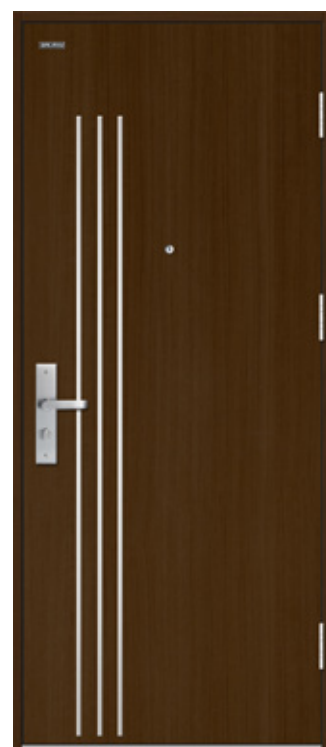
GLX-HGF L1013 | LDJ-G7809-17V-07



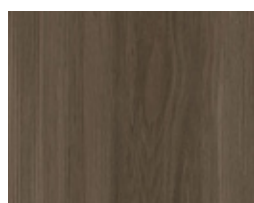
GLX-HGF L1014 | G6910-G8



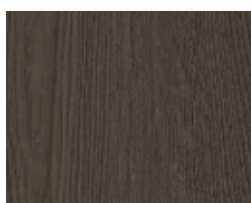
GLX-HGF L1015 | UM702



GLX-HGF L1016 | M8707



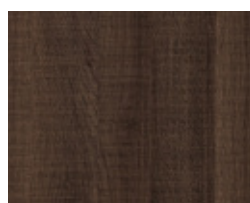
GD603-85



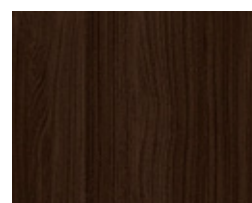
G7302-T1



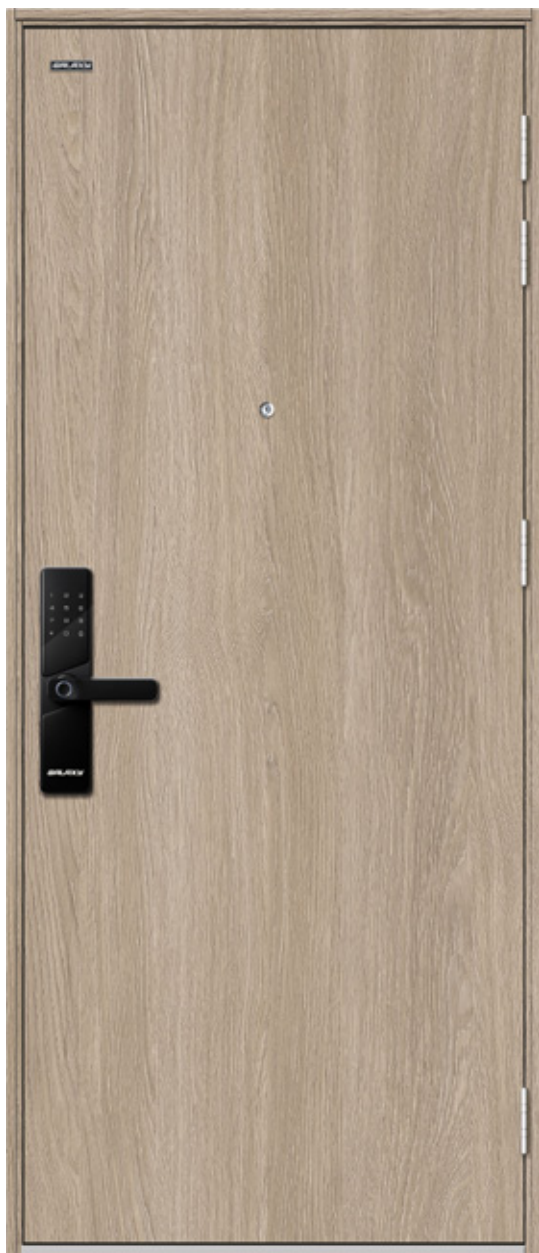
M8707



LDJ-G7809-17V-07



MM902



GLX-WOODEN L2006 | G6910-G8



GLX-WOODEN L2007 | M8707



GLX-WOODEN L2008 | G6910-G8



GLX-WOODEN L2009 | GD603-85

STEEL FRAME FIREPROOF WOODEN DOOR CỬA GỖ CHỐNG CHÁY KHUNG THÉP

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1200 (W) x 2000-2400 (H)

Thickness of MDF panel 3.0

Laminate finishing

Độ dày tấm MDF phủ Laminate

Thickness of MGS panel 5.0 (E130)

Độ dày tấm MGS 10.0 (E160)

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-230

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50±1

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Bông khoáng Rockwool

Leaf covered with Laminate PVC

Decorative metal bars

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Thanh kim loại trang trí

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

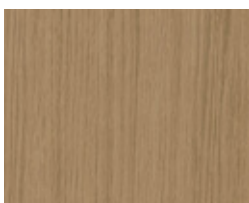
Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



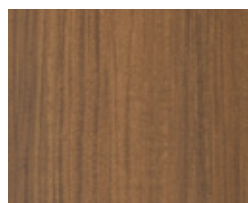
US201



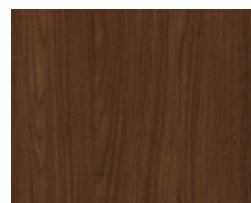
G6910-G8



A7004-F0



UM702



MT104



GLX-WOODEN L2010 | G6910-G8



GLX-WOODEN L2011 | M8707



GLX-WOODEN L2013 | G6910-G8

**WOODEN FRAME
FIREPROOF WOODEN DOOR**
CỬA GỖ CHỐNG CHÁY KHUNG GỖ

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1200 (W) x 2000-2400 (H)

Thickness of MDF panel 5.5

Laminate finishing

Độ dày tấm MDF phủ Laminate

Thickness of MGS panel 5.0 (EI30)

Độ dày tấm MGS cánh 10.0 (EI60)

Door Frame Thickness 48±1

Dày khung

Door frame width sizes 90-230

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50±1

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Bông khoáng Rockwool

Leaf covered with Laminate PVC

Decorative metal bars

Mặt cánh phủ Laminate PVC

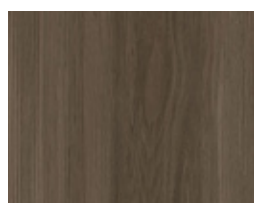
Thanh kim loại trang trí

Galaxy accessories sync

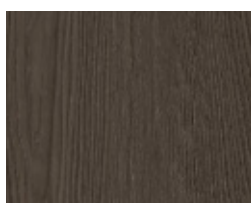
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WOODEN L2012 | GD603-85



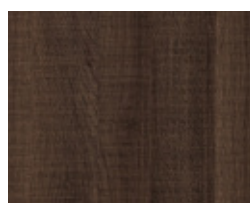
GD603-85



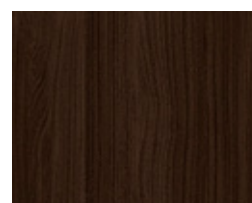
G7302-TI



M8707



LDJ-G7809-T7V-07



MM902



GLX-STEEL 503

VG10



GLX-STEEL 509

VG27

STEEL DOOR

CỬA THÉP CẮN HỘ VÂN GỖ

Standard size (mm)*Kích thước tiêu chuẩn*

700-1100 (W) x 2000-2400 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8*Thép cánh dày***Frame sheet, thickness** 1.2*Thép khung dày***Door frame width sizes** 110-250*Rộng Khung***Door leaf thickness sizes** 50*Dày cánh***Material in the leaf door:***Vật liệu trong cánh: Honeycomb***304 . stainless steel decorative bar***Thanh trang trí Inox 304*

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !

VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

VG10

VG23

VG25

VG27

VG29

STEEL DOOR

CỬA THÉP CẮN HỘ VÂN GỖ

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1100 (W) x 2000-2400 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh: Honeycomb

304 . stainless steel decorative bar

Thanh trang trí Inox 304



GLX-STEEL 128

VG2



GLX-STEEL 508

VG23

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

VG10

VG23

VG25

VG27

VG29



GLX-STEEL 501

VG25



GLX-STEEL 502

VG27

STEEL DOOR

CỬA THÉP CẮN HỘ VÂN GỖ

Standard size (mm)*Kích thước tiêu chuẩn***700-1100 (W) x 2000-2400 (H)****Leaf sheet, thickness** 0.8*Thép cánh dày***Frame sheet, thickness** 1.2*Thép khung dày***Door frame width sizes** 110-250*Rộng Khung***Door leaf thickness sizes** 50*Dày cánh***Material in the leaf door:***Vật liệu trong cánh: Honeycomb***304 . stainless steel decorative bar***Thanh trang trí Inox 304*

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !

VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

VG10

VG23

VG25

VG27

VG29

STEEL DOOR

CỬA THÉP CÁN HỘ VÂN GỖ

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1100 (W) x 2000-2400 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh: Honeycomb

304 . stainless steel decorative bar

Thanh trang trí Inox 304



GLX-STEEL 511

VG30



GLX-STEEL 111

VG3

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

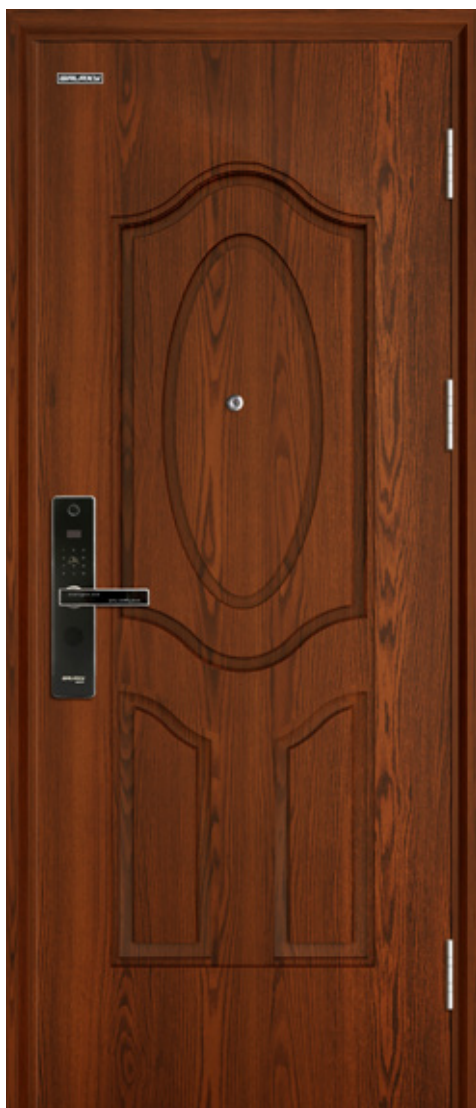
VG10

VG23

VG25

VG27

VG29



GLX-STEEL 103A
VG2



GLX-STEEL 133.1C
VG30

STEEL DOOR

CỬA THÉP CẮN HỘ VÂN GỖ

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

850-1000 (W) x 1900-2350 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

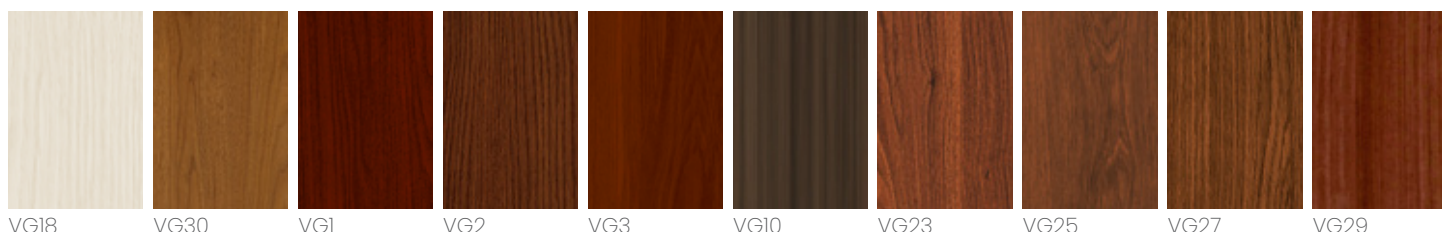
Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh: Honeycomb



VG18 VG30 VG1 VG2 VG3 VG10 VG23 VG25 VG27 VG29

STEEL DOOR

CỬA THÉP CẮN HỘ VÂN GỖ

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

850-1000 (W) x 1900-2350 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh: Honeycomb



GLX-STEEL 125

VG23



GLX-STEEL 119

VG25



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

VG10

VG23

VG25

VG27

VG29



GLX-STEEL 130GG-KH5

VG30

> GLX-STEEL 130GG

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

2400-3000 (W) x 2700-3000 (H)

Leaf sheet, thickness

0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness

1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes

110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes

50

Dày cánh

Material in the leaf door: Honeycomb

Vật liệu trong cánh:

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

VG10

VG23

VG25

VG27

VG29

> GLX-STEEL 129

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

1800-1900 (W) x 2700-3000 (H)

> GLX-STEEL 130G

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

2400-2950 (W) x 2700-3000 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door: Honeycomb

Vật liệu trong cánh:

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-STEEL 130G-KH5

VG30



GLX-STEEL 129L-KH5

VG30



GLX-STEEL 129G-KH5

VG30



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

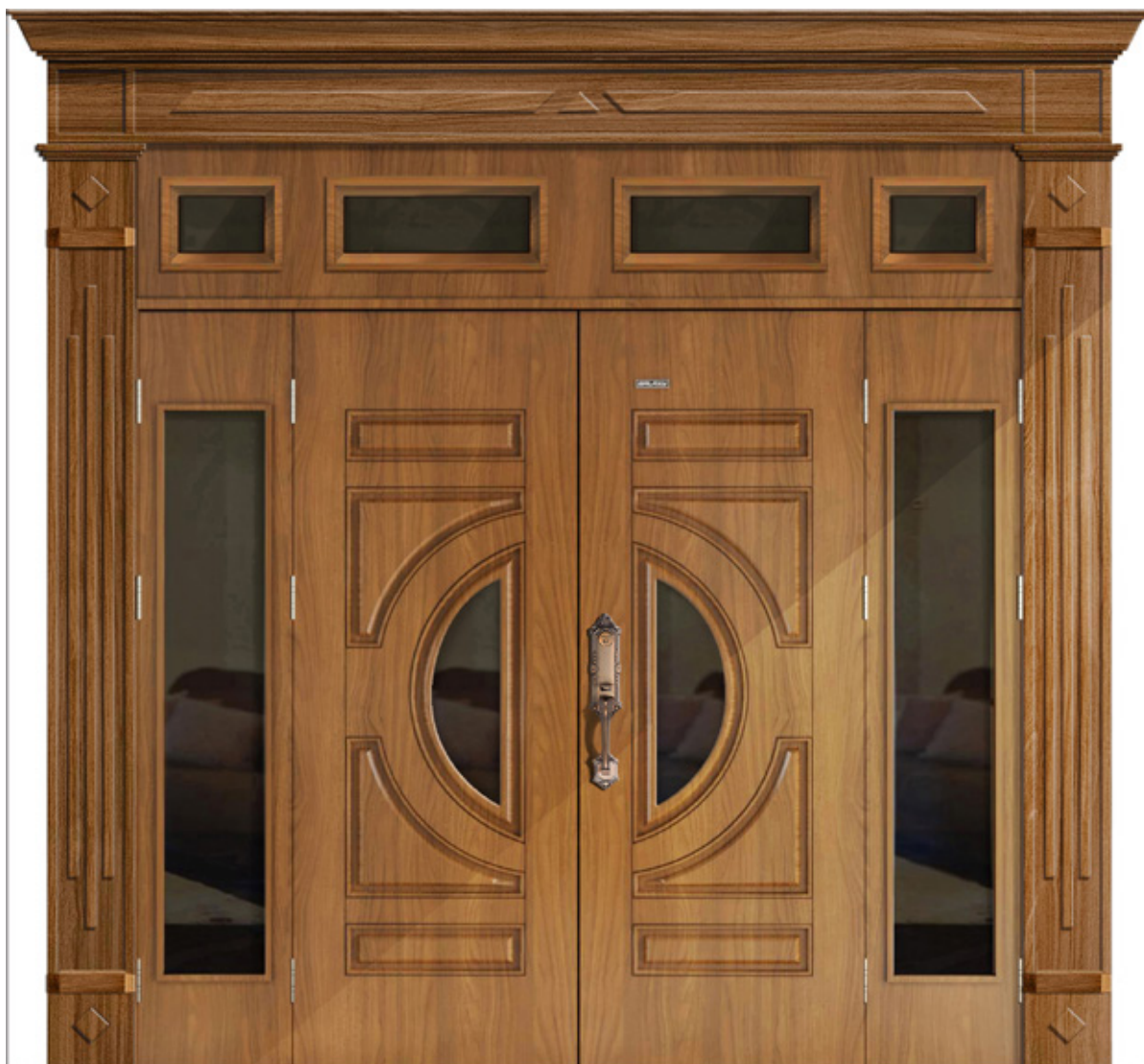
VG10

VG23

VG25

VG27

VG29

**GLX-STEEL 130.3G-KH5**

VG30

> **GLX-STEEL 130.3G**

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

2400-3000 (W) x 2700-3000 (H)

Leaf sheet, thickness

0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness

1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes

110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes

50

Dày cánh

Material in the leaf door: Honeycomb

Vật liệu trong cánh:

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

VG10

VG23

VG25

VG27

VG29

> **GLX-STEEL 133.G**

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

2400-2950 (W) x 2700-3000 (H)

> **GLX-STEEL 133.2G**

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

2400-3000 (W) x 2700-3000 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door: Honeycomb

Vật liệu trong cánh:

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-STEEL 133.G

VG25



GLX-STEEL 133.2G

VG25



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

VG10

VG23

VG25

VG27

VG29

**GLX-STEEL 132GG**

VG27

> **GLX-STEEL 132GG**

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

2400-3000 (W) x 2700-3000 (H)

Leaf sheet, thickness

0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness

1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes

110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes

50

Dày cánh

Material in the leaf door: Honeycomb

Vật liệu trong cánh:

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

VG10

VG23

VG25

VG27

VG29

> GLX-STEEL 128F

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

1300-1500 (W) x 2700-3000 (H)

> GLX-STEEL 133.2C.L / GLX-STEEL 133.2C.G

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

1800-1900 (W) x 2700-3000 (H)

> GLX-STEEL 130GG

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

2400-3000 (W) x 2700-3000 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door: Honeycomb

Vật liệu trong cánh:

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-STEEL 133.2C.L

VG25



GLX-STEEL 133.2C.G

VG25



GLX-STEEL 128F

VG25



GLX-STEEL 130GG

VG25



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

VG10

VG23

VG25

VG27

VG29



GLX-DW 101L | VG25



GLX-DW 101L | VG25



GLX-DW 101GG | VG30



GLX-DW 101GG | VG30



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

VG10

VG23

VG25

VG27

VG29

> GLX-DW 101L

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

1700-2500 (W) x 2200-2600 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door: Honeycomb

Vật liệu trong cánh:

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

> GLX-DW 101GG

Covering size (mm)

Kích thước có ô FIX

1700-2500 (W) x 2200-2600 (H)

Leaf sheet, thickness 0.8

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Material in the leaf door: Honeycomb

Vật liệu trong cánh:

Galaxy accessories sync

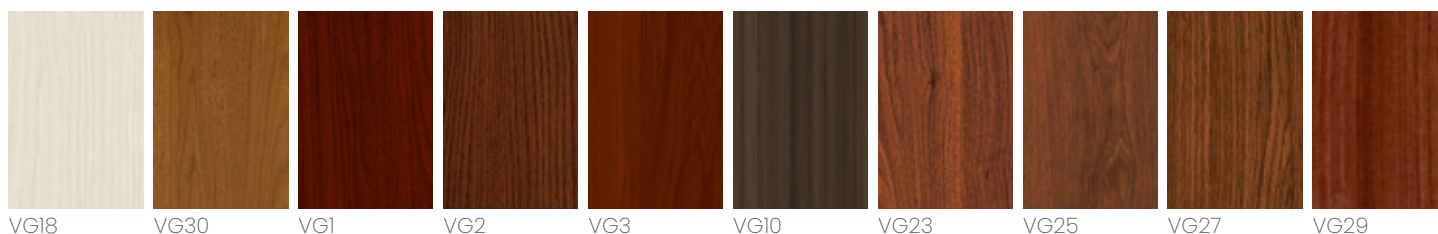
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-DW 101L | VG25

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



VG18

VG30

VG1

VG2

VG3

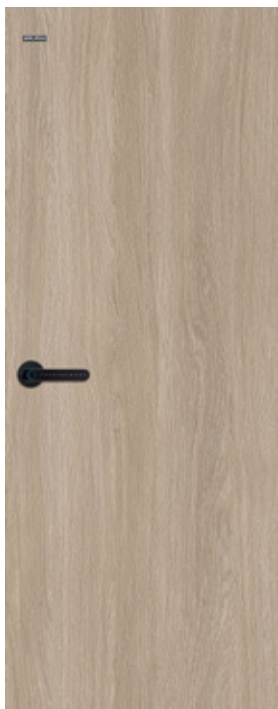
VG10

VG23

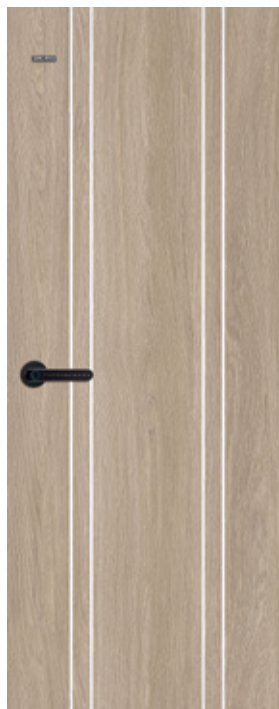
VG25

VG27

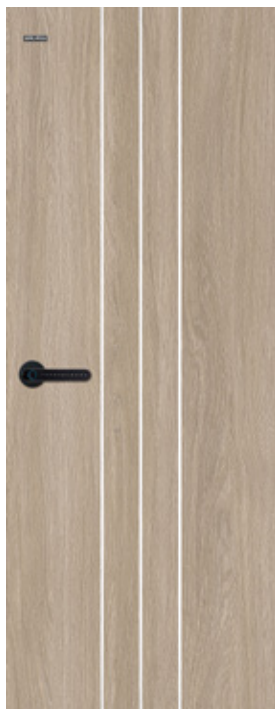
VG29



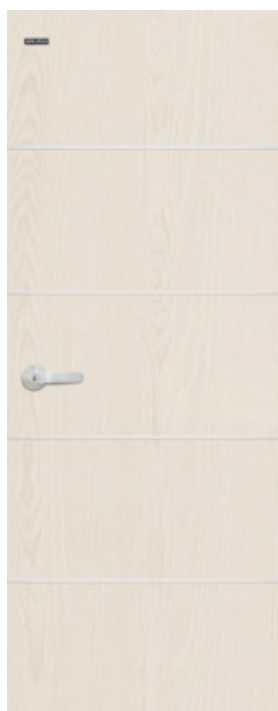
GLX-WPC 111
G6910-G8



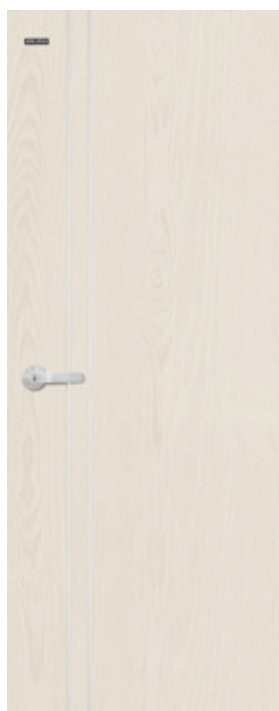
GLX-WPC 207-2
G6910-G8



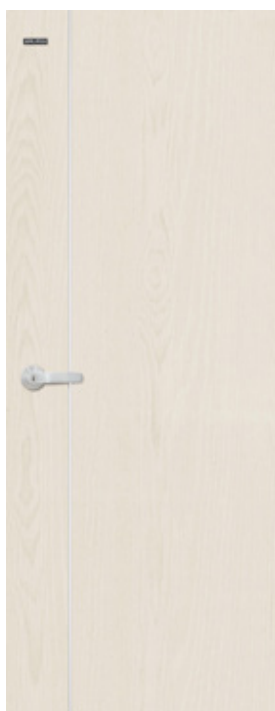
GLX-WPC 336-1
G6910-G8



GLX-WPC 208-1
US201



GLX-WPC 334-2
US201



GLX-WPC 944
US201

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-240

Rộng Khung

Door frame thickness 45

Dày khung

Door leaf thickness 40

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Decorative metal bars

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Thanh kim loại trang trí

Material in the leaf door: Honeycomb

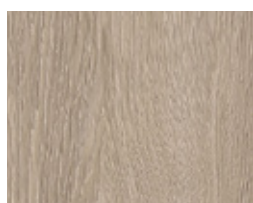
Vật liệu trong cánh

Galaxy accessories sync

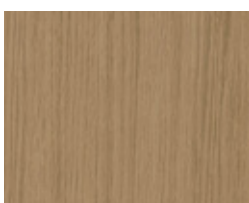
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



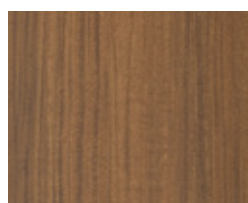
US201



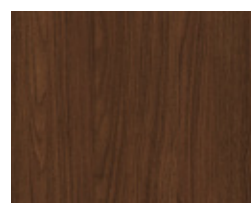
G6910-G8



A7004-F0



UM702



MT104

WPC PANEL

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2420 (H)

Door frame width sizes 100-240

Rộng Khung

Door frame thickness 45

Dày khung

Door leaf thickness 40

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Decorative metal bars

Mặt cánh phủ Laminate PVC

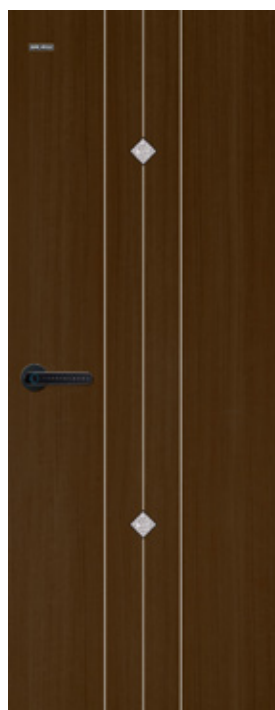
Thanh kim loại trang trí

Wood plastic composite leaf

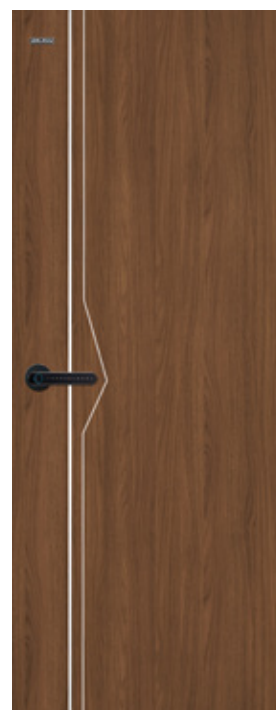
Cánh WPC nguyên khối

Galaxy accessories sync

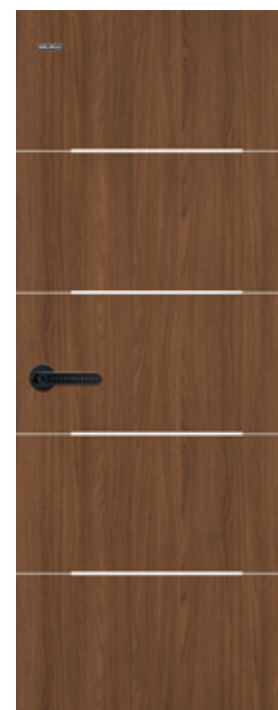
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-WPC 336-2
M8707



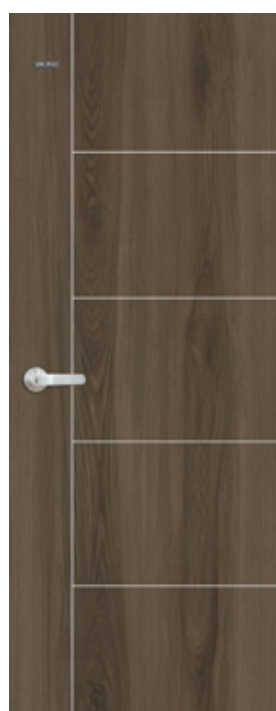
GLX-WPC 102-3
MT104



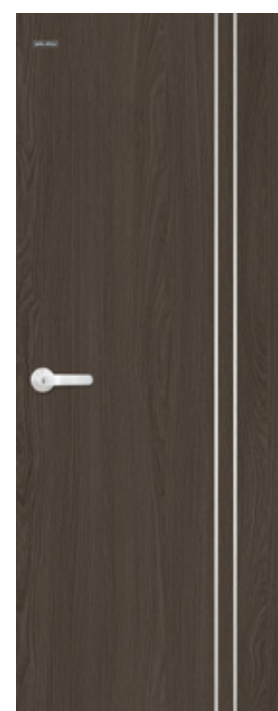
GLX-WPC 208-4
MT104



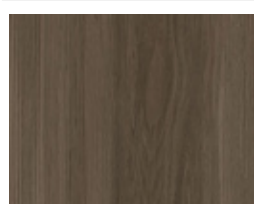
GLX-WPC 944
GD603-85



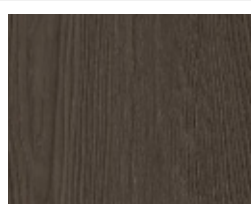
GLX-WPC 956-4
GD603-85



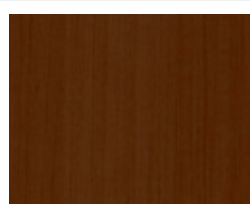
GLX-WPC 953-1
G7302-T1



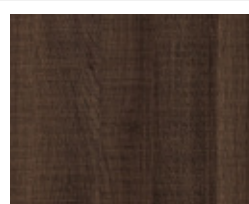
GD603-85



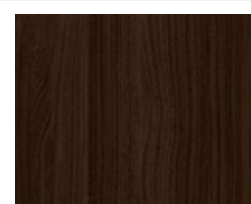
G7302-T1



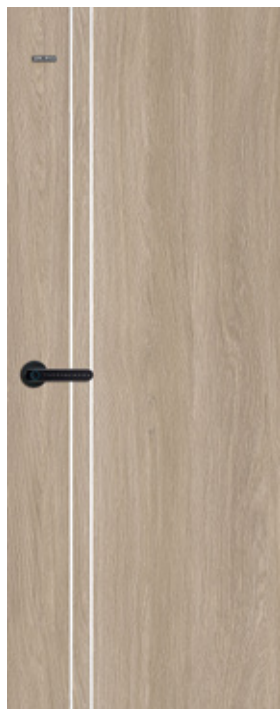
M8707



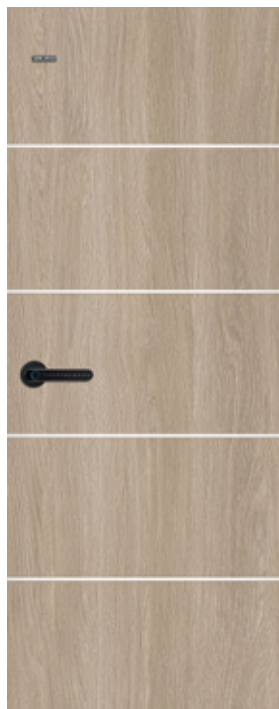
LDJ-G7809-T7V-07



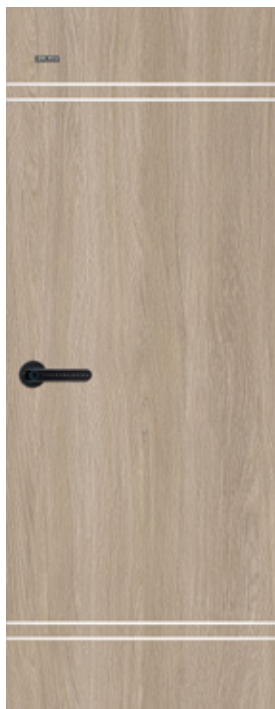
MM902



GLX-WPC 954-1
G6910-G8



GLX-WPC 956
G6910-G8



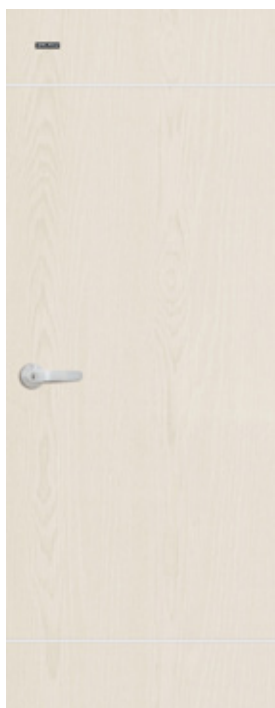
GLX-WPC 331
G6910-G8



GLX-WPC 952-1
US201



GLX-WPC 335
US201



GLX-WPC 952-4
US201

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-240

Rộng Khung

Door frame thickness 45

Dày khung

Door leaf thickness 40

Dày cánh

Sheet thickness 1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Decorative metal bars

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Thanh kim loại trang trí

Material in the leaf door: Honeycomb

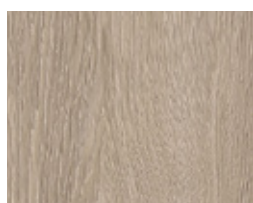
Vật liệu trong cánh

Galaxy accessories sync

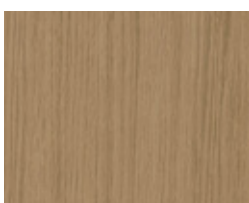
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



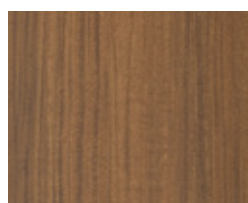
US201



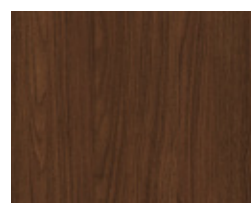
G6910-G8



A7004-F0



UM702



MT104

WPC PANEL

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2420 (H)

Door frame width sizes 100-240

Rộng Khung

Door frame thickness 45

Dày khung

Door leaf thickness 40

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Decorative metal bars

Mặt cánh phủ Laminate PVC

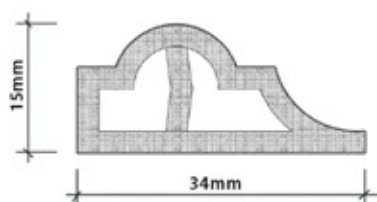
Thanh kim loại trang trí

Wood plastic composite leaf

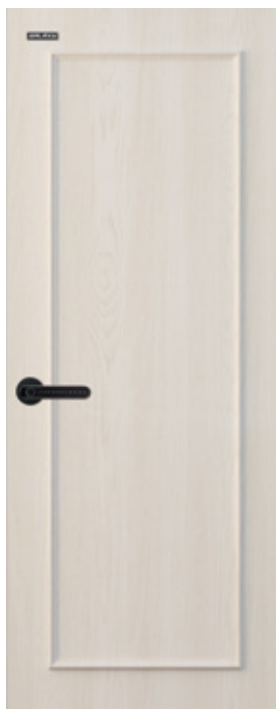
Cánh WPC nguyên khối

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

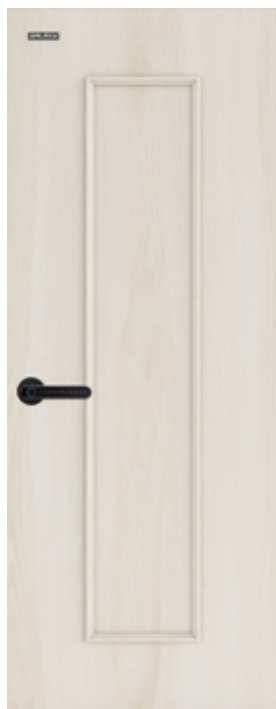


MẶT CẮT NẸP PHẪO ỐP CỬA



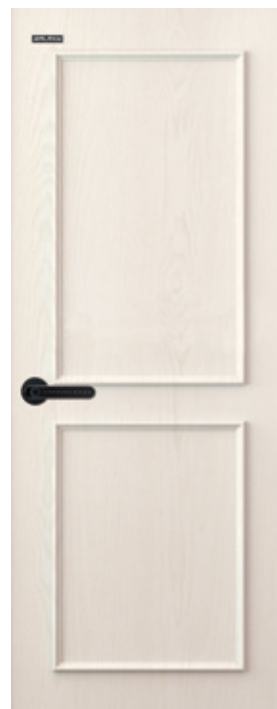
GLX-WPC 403-1

US201



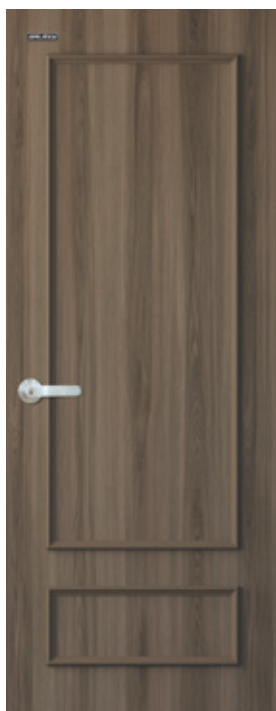
GLX-WPC 403-2

US201



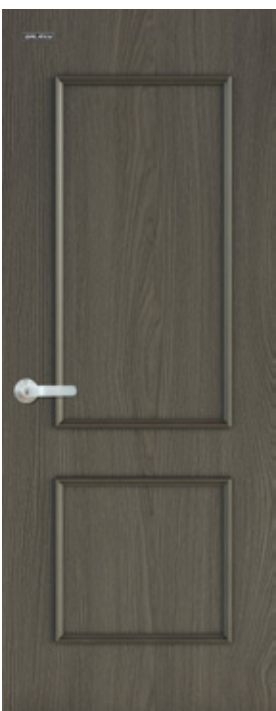
GLX-WPC 115-3

US201



GLX-WPC 403-3

GD603-85



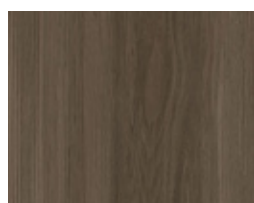
GLX-WPC 115-2

G7302-T1

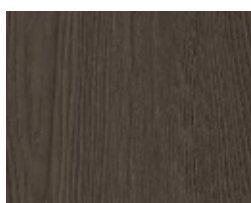


GLX-WPC 402-4

G6910-G8



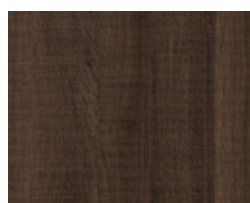
GD603-85



G7302-T1



M8707



LDJ-G7809-17V-07



MM902

WPC SHEET**Standard size (mm)**

Kích thước tiêu chuẩn xem chú thích dưới từng mẫu cửa

Door frame width sizes 100-240

Rộng Khung

Door frame thickness 45

Dày khung

Door leaf thickness 40

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door: Honeycomb

Vật liệu trong cánh

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

**GLX-WPC 350**

700-990(W) x 1790-2190 (H)

**GLX-WPC 351**

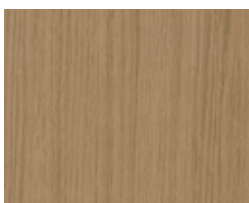
710-970(W) x 1800-2190 (H)



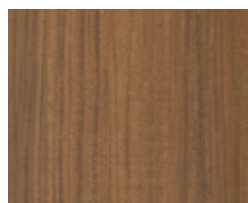
US201



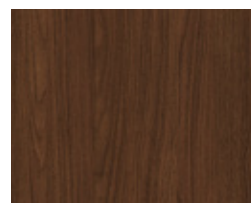
G6910-G8



A7004-F0



UM702



MT104



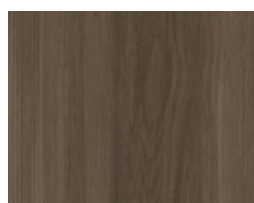
GLX-WPC 352
720-990(W) x 1850-2190 (H)



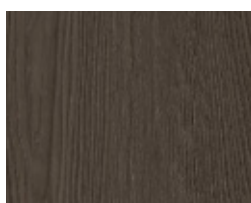
GLX-WPC 353
710-990(W) x 1800-2190 (H)



GLX-WPC 354
700-990(W) x 1800-2190 (H)



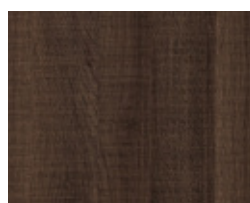
GD603-85



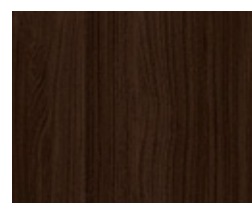
G7302-TI



M8707



LDJ-G7809-17V-07



MM902



GLX-WPC 355

710-990(W) x 1800-2190 (H)

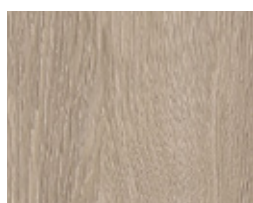


GLX-WPC 359

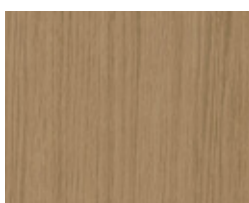
710-990(W) x 1500-2190 (H)



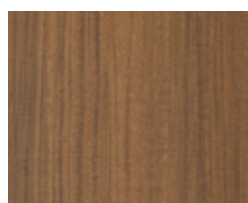
US201



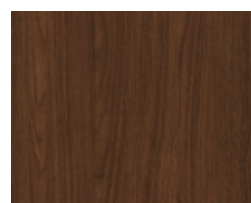
G6910-G8



A7004-F0



UM702



MT104

WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn xem chú thích dưới từng mẫu cửa

Door frame width sizes 100-240

Rộng Khung

Door frame thickness 45

Dày khung

Door leaf thickness 40

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door: Honeycomb

Vật liệu trong cánh

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



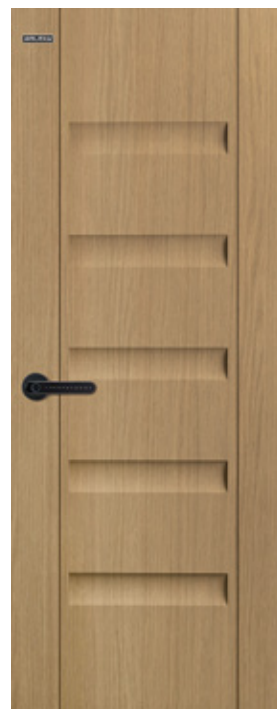
GLX-WPC 356

710-990(W) x 1800-2190 (H)



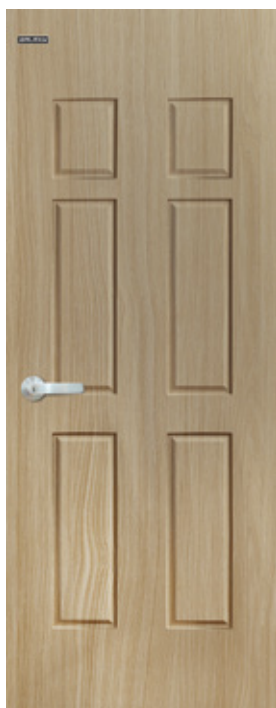
GLX-WPC 357

710-990(W) x 1800-2190 (H)



GLX-WPC 358

710-990(W) x 1650-2190 (H)



GLX-WPC 360

850-990(W) x 1800-2190 (H)



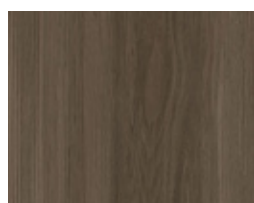
GLX-WPC 361

850-990(W) x 1800-2190 (H)

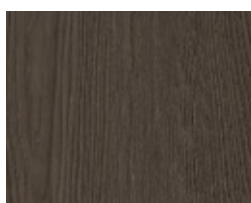


GLX-WPC 362

600-990(W) x 1500-2190 (H)



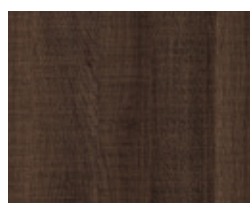
GD603-85



G7302-TI



M8707



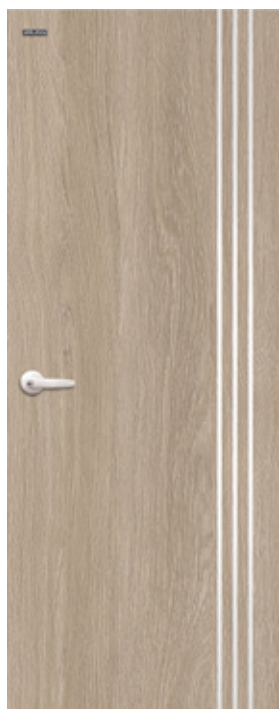
LDJ-G7809-17V-07



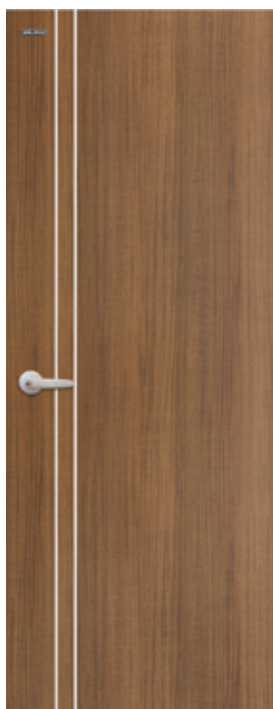
MM902



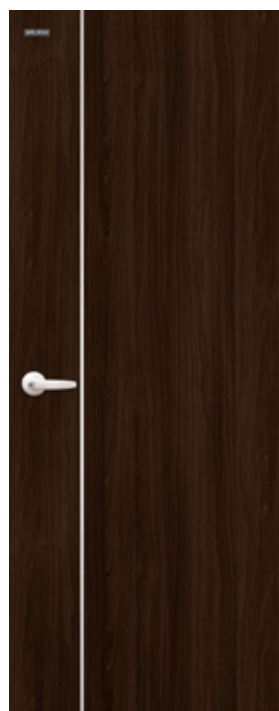
GLX-WOODEN LS2020
A7004-F0



GLX-WOODEN LS2019
G6910-G8



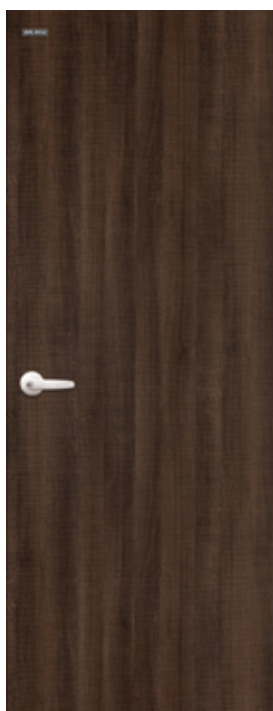
GLX-WOODEN LS2013
UM702



GLX-WOODEN LS2002
MM902



GLX-WOODEN LS2020
M8707



GLX-WOODEN LS2008
LDJ-G7809-17V-07

WOODEN SHEET FRAME WPC
Cửa gỗ khung WPC

Standard size (mm)
Kích thước tiêu chuẩn
700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Thickness of MDF panel 5.0
Laminate finishing
Độ dày tấm MDF phủ Laminate
Door frame width sizes 100-240
Rộng Khung
Door frame thickness 45
Dày khung
Door leaf thickness 40
Dày cánh

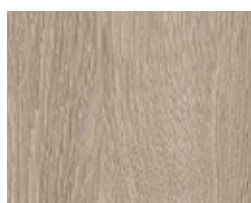
Leaf covered with Laminate PVC
Decorative metal bars
Mặt cánh phủ Laminate PVC
Thanh kim loại trang trí

Material in the leaf door:
Vật liệu trong cánh:
Honeycomb

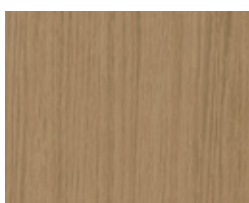
Galaxy accessories sync
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



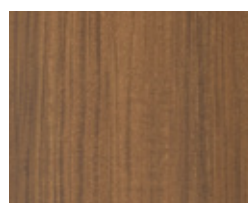
US201



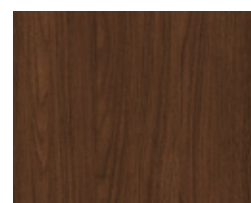
G6910-G8



A7004-F0



UM702



MT104

WOODEN SHEET FRAME WOOD

Cửa gỗ khung gỗ

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Thickness of MDF panel 5.0

Laminate finishing

Độ dày tấm MDF phủ Laminate

Door frame width sizes 90-230

Rộng Khung

Door frame thickness 43±2

Dày khung

Door leaf thickness 40

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Decorative metal bars

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Thanh kim loại trang trí

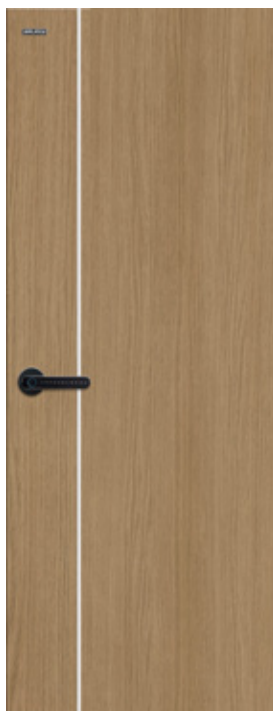
Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

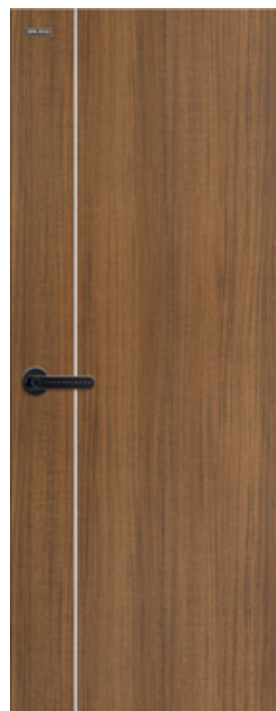
Honeycomb

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



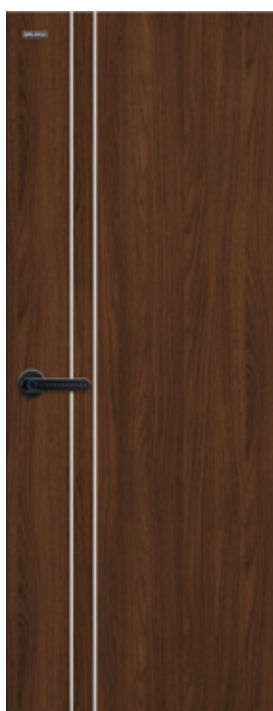
GLX-WOODEN LS2002
A7004-F0



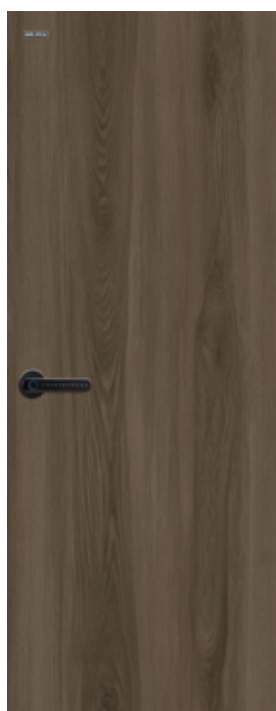
GLX-WOODEN LS2002
UM702



GLX-WOODEN LS2021
MT104



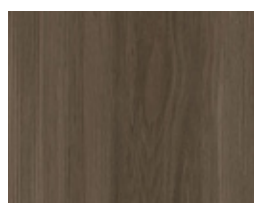
GLX-WOODEN LS2013
MT104



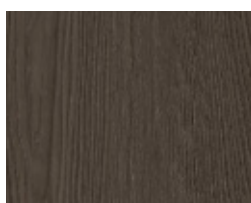
GLX-WOODEN LS2008
GD603-85



GLX-WOODEN LP2022
M8707



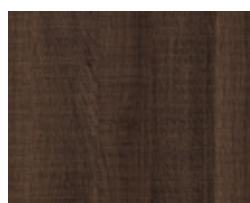
GD603-85



G7302-T1



M8707



LDJ-G7809-T7V-07



MM902



GLX-STEEL 311L

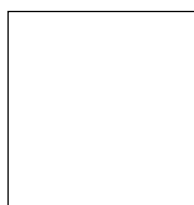
E150 G03-01



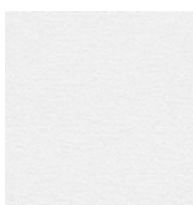
GLX-STEEL 412

H116 G01-10

GLX-STEEL 311/ GLX-STEEL 418 can be produced with a different color code . Please inquire before ordering



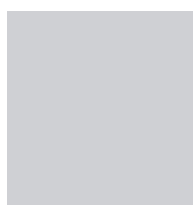
T136 B61-01



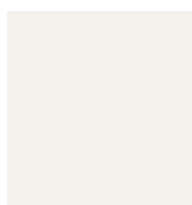
Y150 B24-67



H146 M09-05



H116 G01-10



H146 A03-08



E270 M01-06

GLX-STEEL 111/311

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

860-1000 (W) x 2000-2600 (H)

GLX-STEEL 418

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

1200-2400 (W) x 2000-2600 (H)

GLX-STEEL 412/420

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

1600-2000 (W) x 2000-2600 (H)

Leaf sheet, thickness 0.7-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.6

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50/60

Dày cánh

Grass box size 200/300x600x12

Kích thước ô kính

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Magnesium Oxide

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-STEEL 111

T136 B61-01



GLX-STEEL 418

E270 M01-06



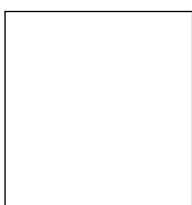
GLX-STEEL 311

E270 M01-06

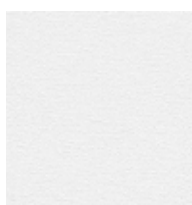


GLX-STEEL 420

T136 B61-01



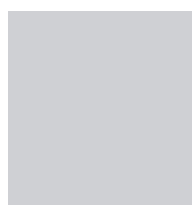
T136 B61-01



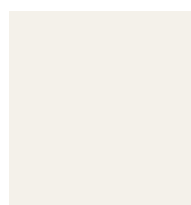
Y150 B24-67



H146 M09-05



H116 G01-10



H146 A03-08



E270 M01-06



STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

1400-2200 (W) x 2000-2400 (H)

Leaf sheet, thickness 1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.4

Thép khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

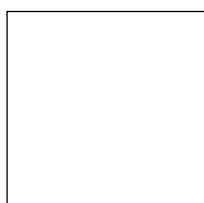
Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

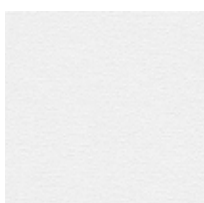
GLX-STEEL 802

H116 G01-10(N)

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !

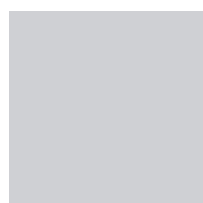
T136 B61-01



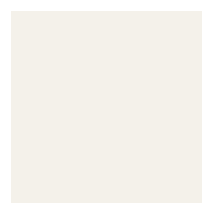
Y150 B24-67



E150 G03-T (N)



H116 G01-10 (N)



H146 A03-08 (N)



E270 M01-06 (N)

STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

800-1000 (W) x 2000-2400 (H)

Leaf sheet, thickness

1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness

1.4

Thép khung dày

Door frame width sizes

110-250

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes

50

Dày cánh

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



GLX-STEEL 804

H116 G01-10(N)

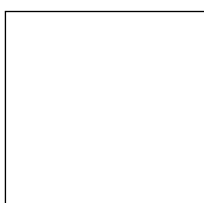


GLX-STEEL 803

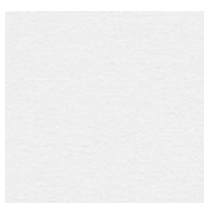
H146 M09-05

These door models can be produced with a different color code . Please inquire before ordering !

Những mẫu cửa này có thể được sản xuất với một mã màu khác. Vui lòng hỏi tư vấn trước khi đặt hàng !



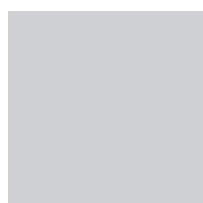
T136 B61-01



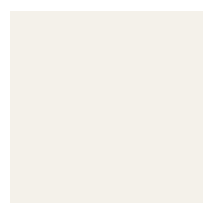
Y150 B24-67



E150 G03-T (N)



H116 G01-10 (N)



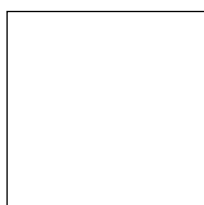
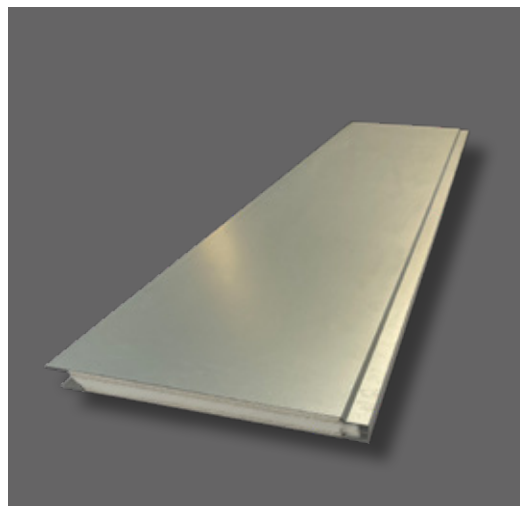
H146 A03-08 (N)



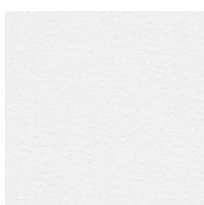
E270 M01-06 (N)



ACCESSORY



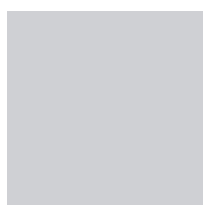
TI36 B6I-01



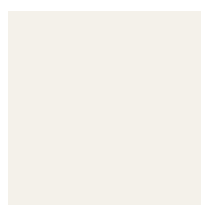
Y150 B24-67



EI50 G03-T (N)



HI16 G0I-10 (N)

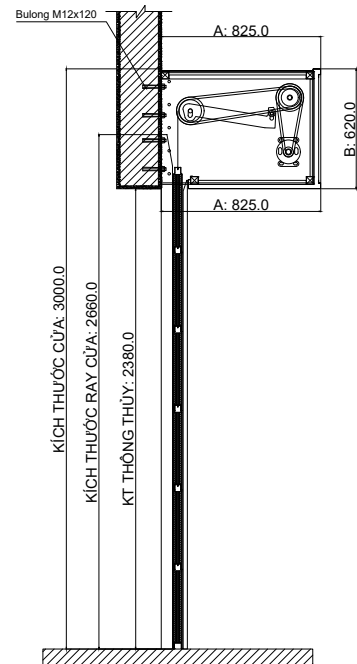
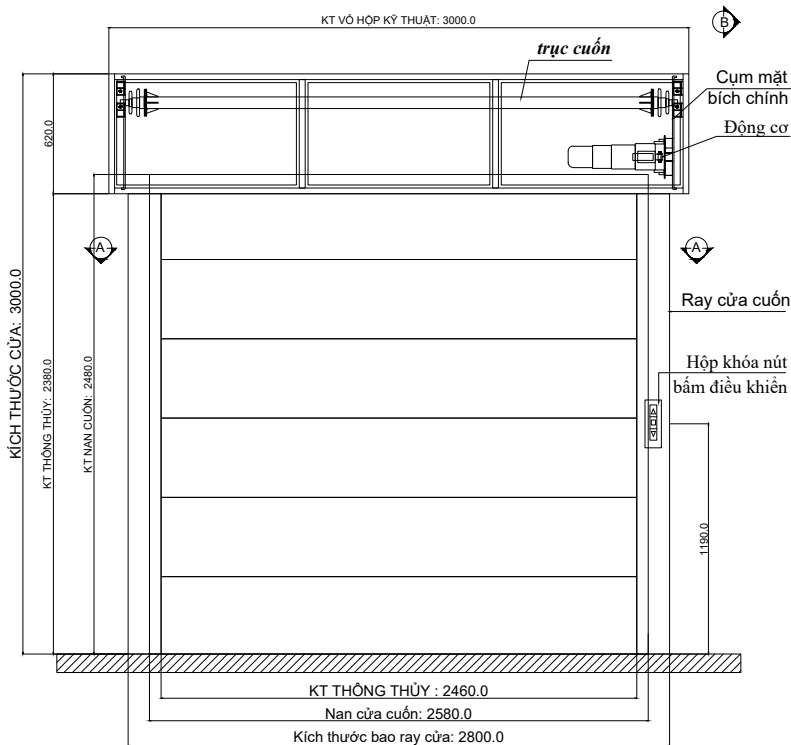


HI46 A03-08 (N)

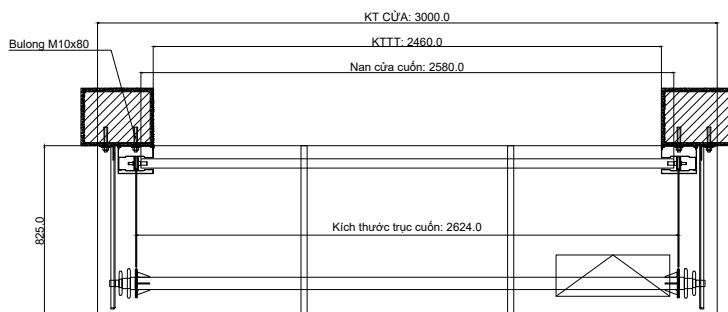


E270 M0F-06 (N)

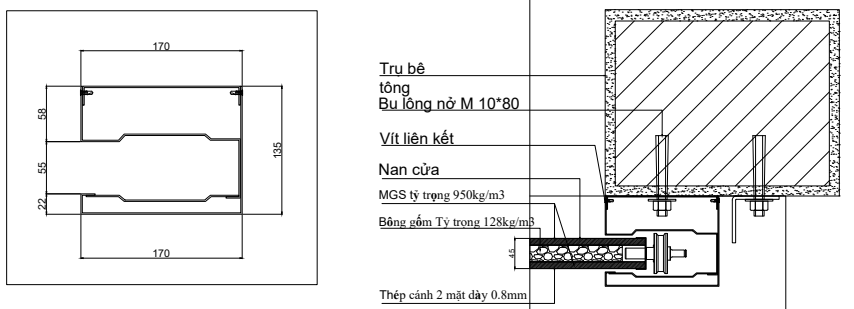
BẢN VẼ CỬA TIÊU CHUẨN KT 3000 X 3000MM



MẶT ĐỨNG CỬA
CỬA CUỐN NGẮN CHÁY EI90



MẶT CẮT NGANG
CỬA CUỐN NGẮN CHÁY EI90



CHI TIẾT CỬA
CỬA CUỐN NGẮN CHÁY EI90

MẶT CẮT DỌC
CỬA CUỐN NGẮN CHÁY EI90

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

EI90 FIRE SHUTTER DOOR

Standard size (mm)

Kích thước Min - Max

1500-6000 (W) x 1800-4500(H)

Nan cửa bản rộng 440mm x dày 45mm, được bọc tấm thép phẳng 2 mặt dày 0.8mm.

Tiếp theo là 02 lớp MGS tỷ trọng 950kg/m³ dung sai +/- 10% dày 10.0mm.

Lớp bông gốm cách nhiệt ở giữa thể tích 128kg/m³.

Nan cửa được sơn tĩnh điện hoàn thiện.

Tấm nan đáy được gắn gioăng cao su giảm chấn.

Hai đầu cửa cuộn được cấu tạo bởi tổ hợp bao gồm:
+ Mặt bích thép độ dày 5.0mm
+ Hệ thống chuyển động con lăn, không xích chuyển tải liên kết vào các thanh nan.

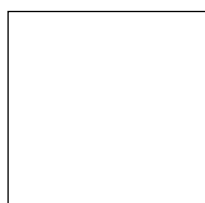
Ray dẫn hướng hình U kích thước 170x135x1.4mm.

Hộp che cửa cuộn: Khung thép hộp mạ kẽm 40x40x1.2 mm, 40x20x1.2 mm. Thép tấm phẳng dày 1.0mm bọc bên ngoài được sơn tĩnh điện hoàn thiện.

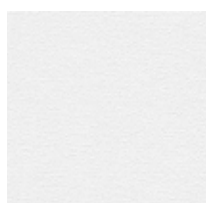
Vật liệu cách nhiệt bông gốm khối lượng thể tích 96kg/m³.



ACCESSORY



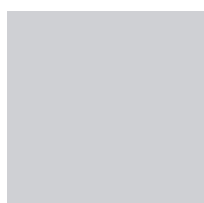
T136 B61-01



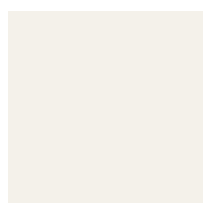
Y150 B24-67



E150 G03-T (N)



H116 G01-10 (N)

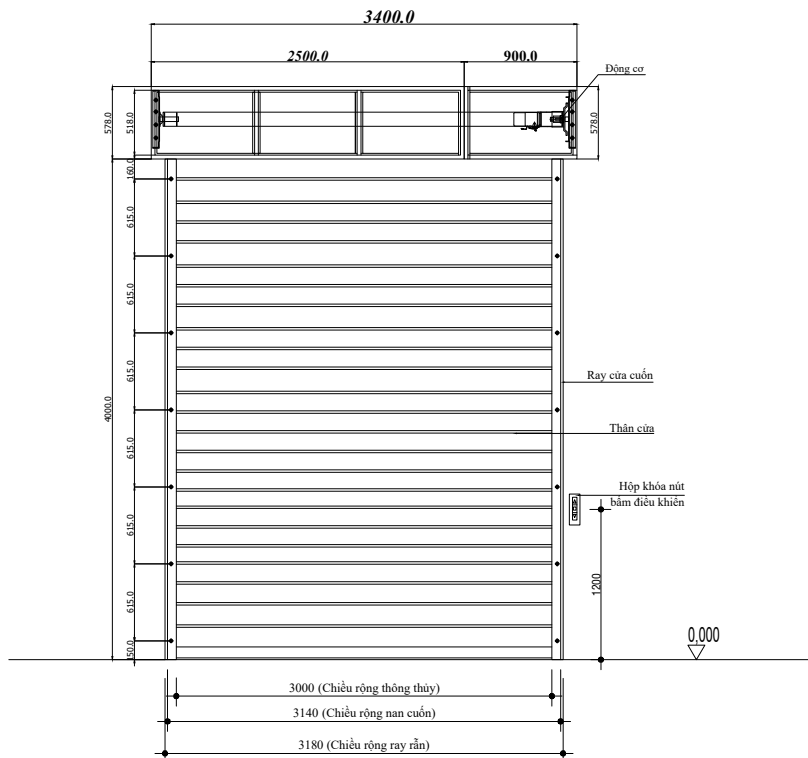


H146 A03-08 (N)

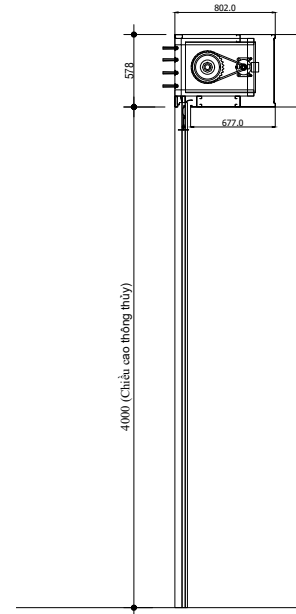


E270 M01-06 (N)

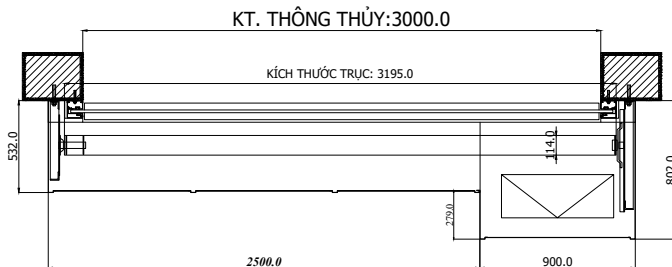
BẢN VẼ CỬA TIÊU CHUẨN KT 3000 X 4000MM



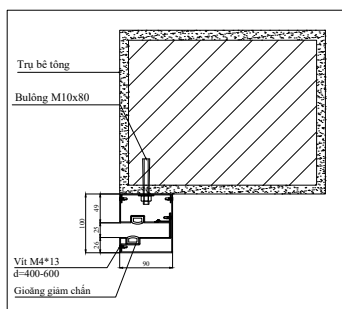
MẶT ĐỨNG CỬA
CỬA CUỐN CHỐNG CHÁY E120



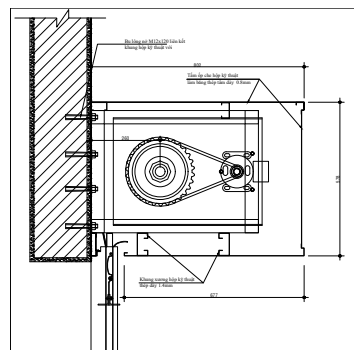
MẶT CẮT DỌC
CỬA CUỐN CHỐNG CHÁY E120



MẶT CẮT NGANG
CỬA CUỐN CHỐNG CHÁY E120



CHI TIẾT CỬA
CỬA CUỐN CHỐNG CHÁY E120



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

E120 ROLL-UP SHUTTER DOOR

Standard size (mm)

Kích thước Min - Max

1500-6000 (W) x 1800-4500 (H)

Nan cửa cuốn thép mạ kẽm dày 1,2mm

Ray u dẫn hướng thép mạ kẽm 90x100x-1,4mm

Khung hộp kỹ thuật thép mạ kẽm dày 1,4mm

Tấm ốp che hộp kỹ thuật thép dày 0,8mm

Trục cuốn Ø114 dày 2.5mm

Động cơ điện YH - M500

Bề mặt thép sơn tĩnh điện



YH300-1500



YH2000



LƯU ĐIỆN 1 PHA W900, W1200, W1500



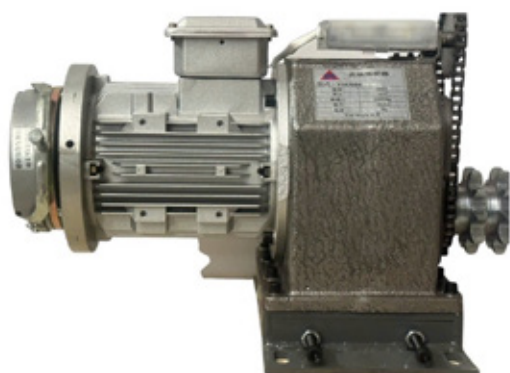
LƯU ĐIỆN 3 PHA



YH2500



ĐẦU BÁO KHÓI KÈM ĐẾ



YH3000



ĐẦU BÁO NHIỆT



HỘP ĐIỀU KHIỂN YH DÙNG CHO MOTO 1 PHA



HỒNG NGOẠI TỰ DỪNG KHI CÓ VẬT CẢN



HỘP ĐIỀU KHIỂN YH DÙNG CHO MOTO 3 PHA



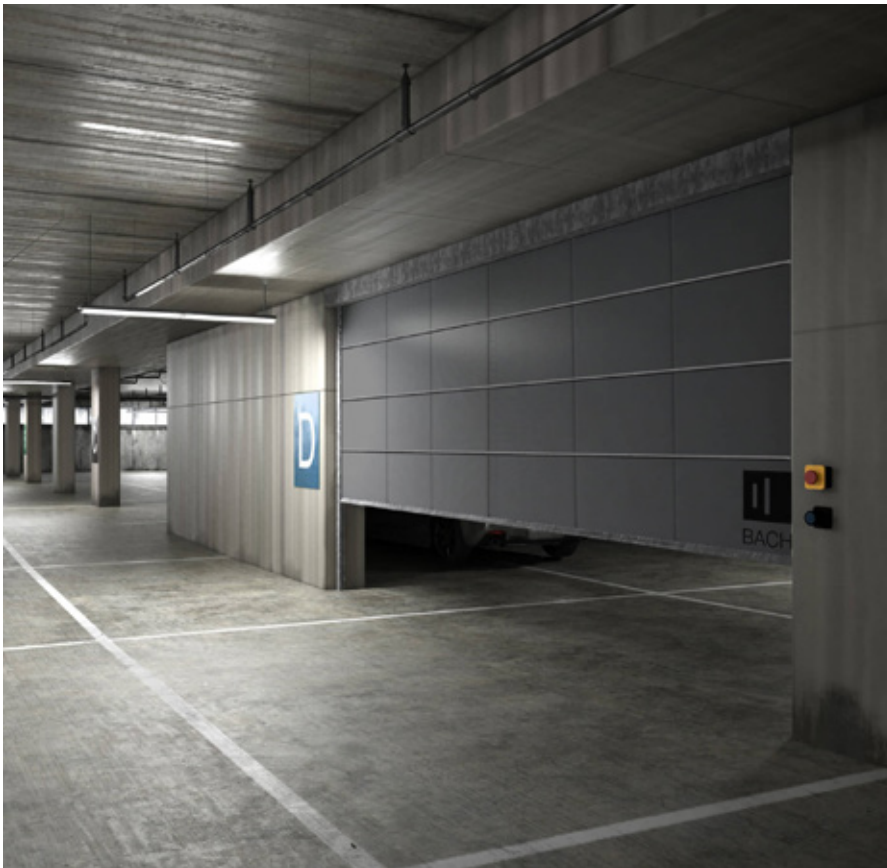
CÒI BẢO ĐỘNG



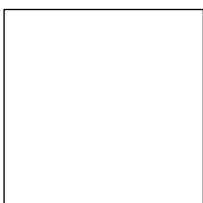
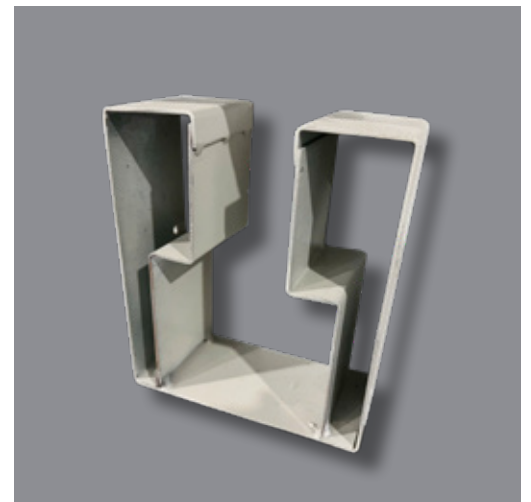
HỘP NHẬN TÍN HIỆU BKBC



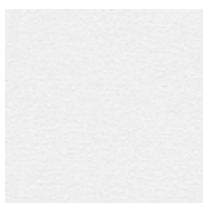
TAY ĐIỀU KHIỂN (HỘP NHẬN YH)



ACCESSORY



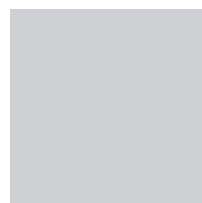
TI36 B6I-01



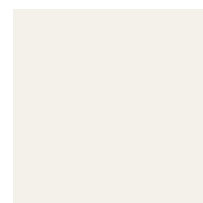
Y150 B24-67



EI50 G03-T (N)



HI16 G01-10 (N)

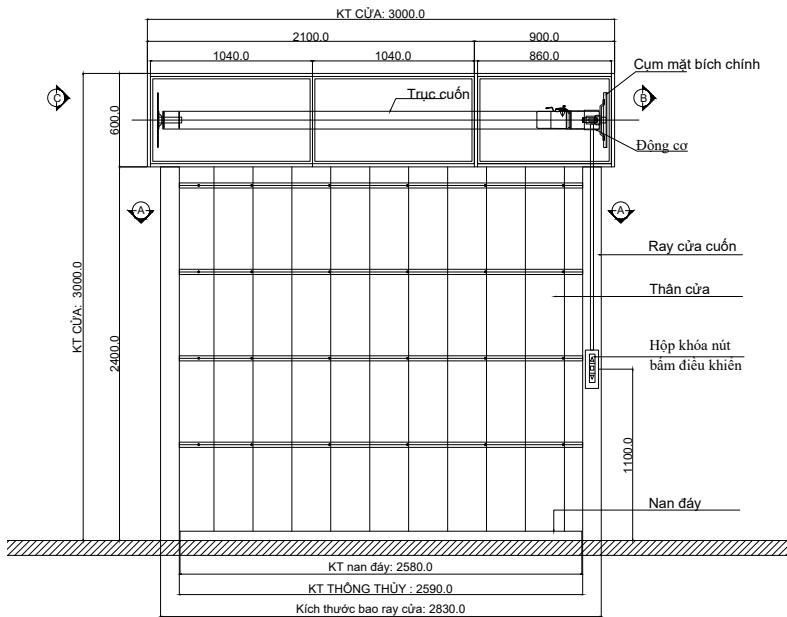


HI46 A03-08 (N)



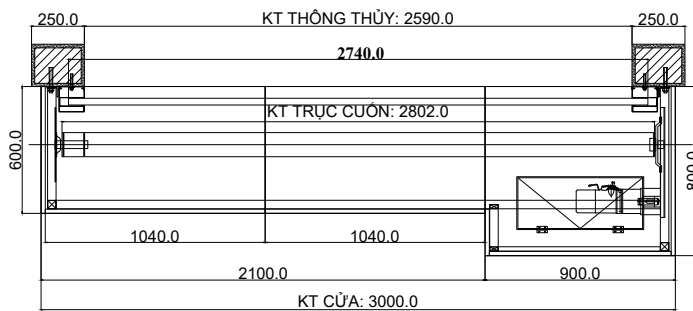
E270 M0F-06 (N)

BẢN VẼ CỬA TIÊU CHUẨN KT 2830X3000MM



MẶT ĐÚNG

RÈM CUỐN NGẮN CHÁY EI60

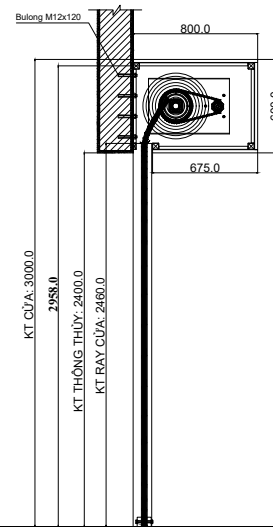


MẶT CẮT NGANG A-A

RÈM CUỐN NGẮN CHÁY EI60

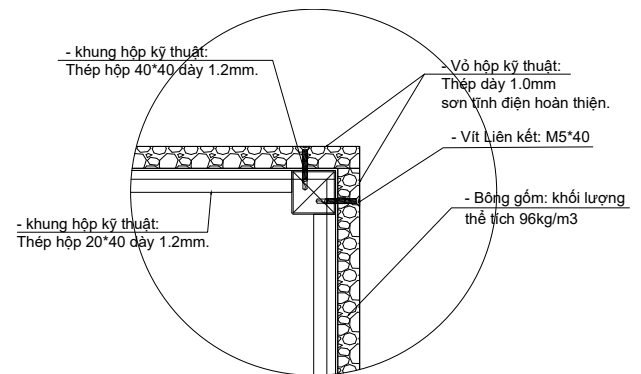
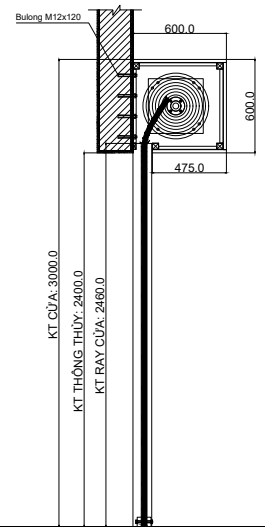
MẶT CẮT DỌC B-B

RÈM CUỐN NGẮN CHÁY EI60



MẶT CẮT DỌC C-C

RÈM CUỐN NGẮN CHÁY EI60



MẶT CẮT KHUNG VỎ HỘ KỸ THUẬT

RÈM CUỐN NGẮN CHÁY EI60

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

EI60 FIRE-PROOF ROLLING CURTAINS

Standard size (mm)

Kích thước Min - Max

1260-6760 (W) x 1200-5300 (H)

1. Mặt bích chính dày 4mm

Mặt bích phụ dày 3mm

Liên kết vào tường bằng Bulông

2. Trục cuộn chính $\phi 13.5 \times 2.1\text{mm}$

3. Động cơ YH500

Bên A cấp nguồn điện ưu tiên đến vị trí Motor.

4. Hộp kỹ thuật

Vỏ ngoài tôn 0.8mm bên trong bọc bông gốm dày 25mm tỷ trọng

96Kg/m³, khung làm bằng hộp thép 40x40x1.2mm và 40x20x1.2mm.

Nan đáy thép hộp 30*60*1.8mm

5. Thân rèm cuộn có chiều dày tổng thể 25 mm, được cấu tạo các lớp sau:

+ Bên ngoài cùng hai bên là 2 lớp Vải sợi thủy tinh phủ nhựa Poly-urethane (PU) dày 0.43mm

+ Bên trong lớp vải thủy tinh 2 bên là 2 lớp bông sợi thủy tinh dày 2x6mm.

+ Lớp giữa là lớp vải sợi thủy tinh phủ nhôm dày 0.23mm

Bulông M10x80

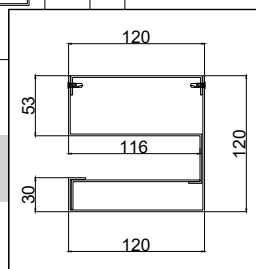
1 lớp vải sợi thủy tinh

1 lớp bông sợi thủy tinh
dày 2x6mm1 lớp vải sợi thủy tinh phủ nhôm
1 lớp bông sợi thủy tinh
dày 2x6mm

1 lớp vải sợi thủy tinh

CHI TIẾT RAY CỬA

RÈM CUỐN NGẮN CHÁY EI60



ADDENDUM

DOOR TECHNICAL DRAWING & ACCESSORY.

Galaxy not only provides technical solutions and finished products but also provides high quality integrated accessories that meet Vietnam's TCVN standards and are of high quality, to provide a complete and integrated solution.

Galaxy không chỉ cung cấp các giải pháp kỹ thuật và sản phẩm hoàn thiện mà còn cung cấp các phụ kiện tích hợp chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn TCVN của Việt Nam và có chất lượng cao, nhằm cung cấp một giải pháp trọn gói và tích hợp đồng bộ.

Order in this section

TECHNICAL DRAWING

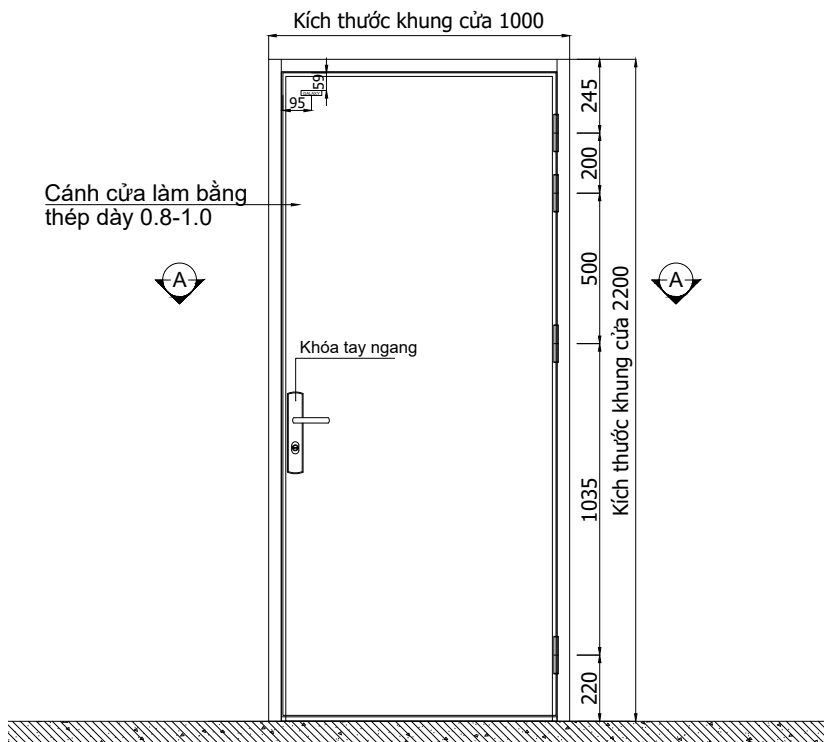
46

ACCESSORIES

60

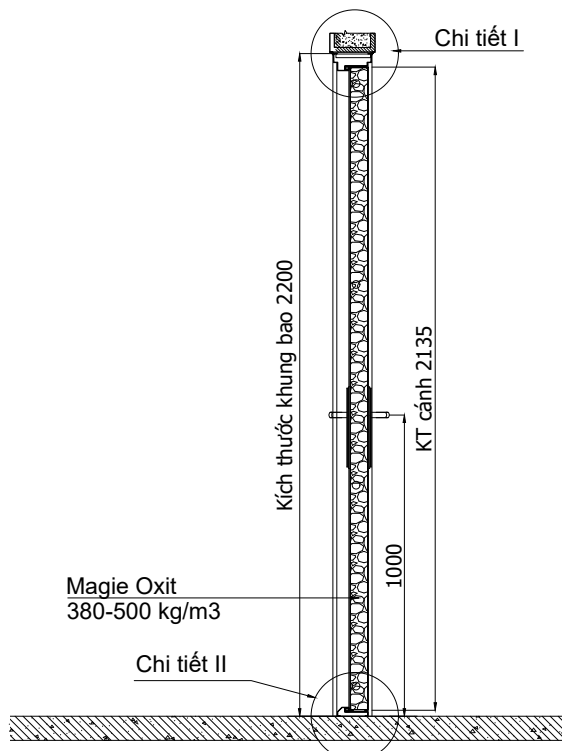






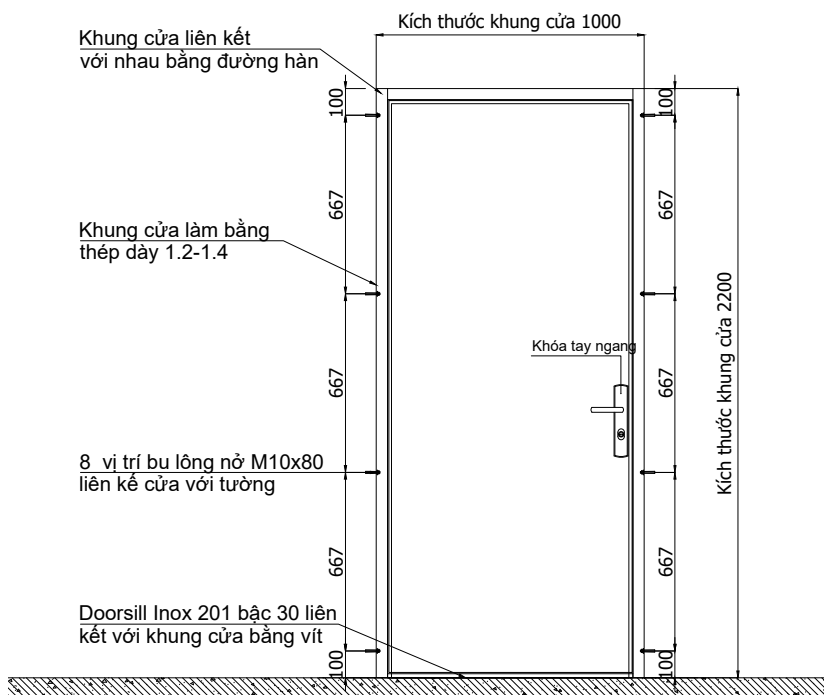
MẶT ĐỨNG A

CỬA THÉP CHỐNG CHÁY EI 60P/90P/120P



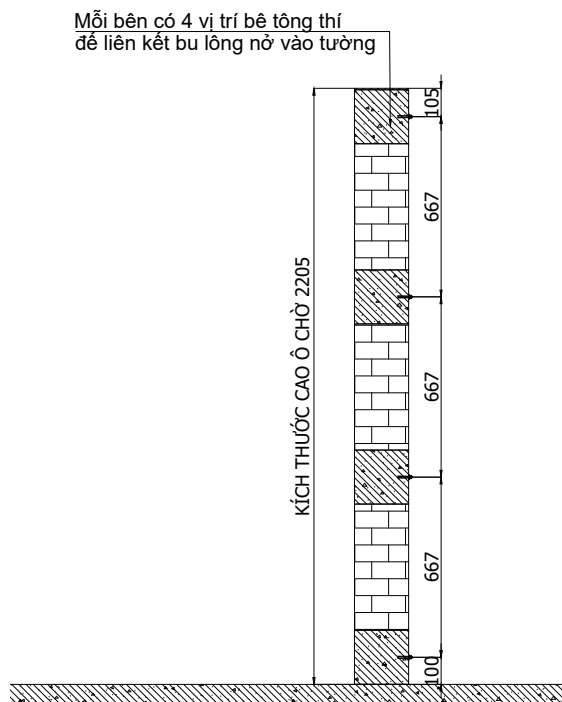
MẶT CẮT B-B

CỬA THÉP CHỐNG CHÁY EI 60P/90P/120P



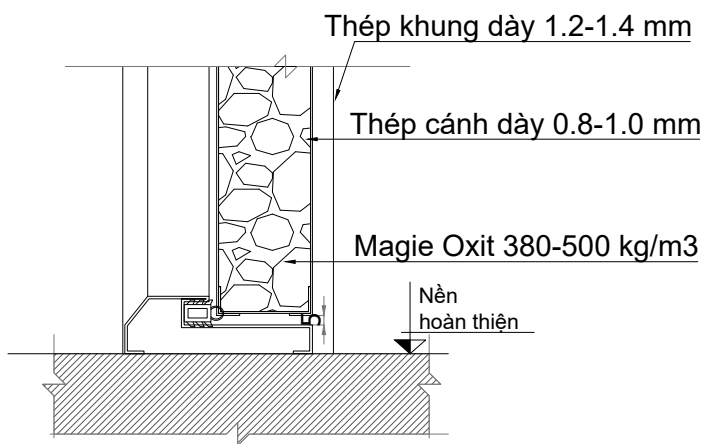
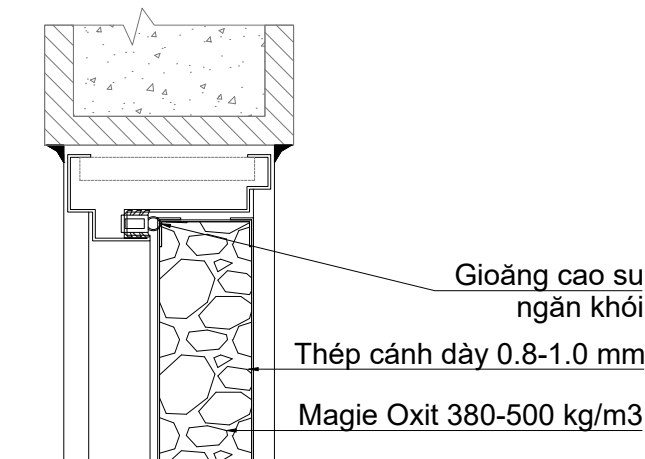
MẶT ĐỨNG B

CỬA THÉP CHỐNG CHÁY EI 60P/90P/120P



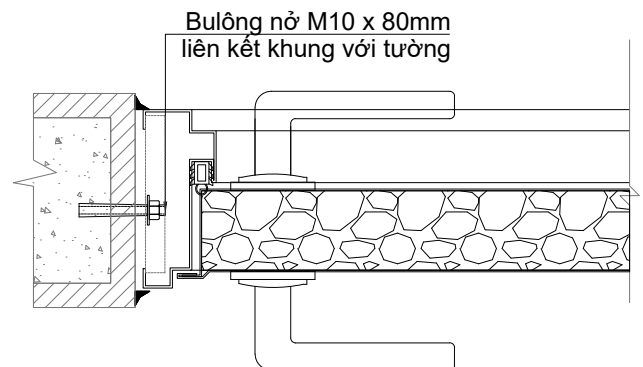
VỊ TRÍ THAY GẠCH ĐẶC HOẶC BÊ TÔNG

CỬA THÉP CHỐNG CHÁY EI 60P/90P/120P



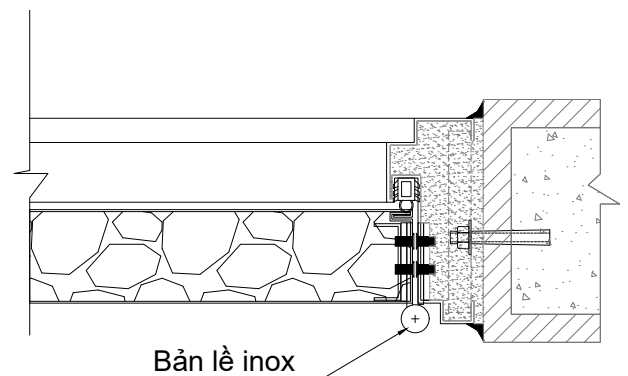
CHI TIẾT CỬA I-II

CỬA THÉP CHỐNG CHÁY EI 60P/90P/120P



CHI TIẾT CỬA III

CỬA THÉP CHỐNG CHÁY EI 60P/90P/120P



CHI TIẾT CỬA IV

CỬA THÉP CHỐNG CHÁY EI 60P/90P/120P

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

EI 60P/90P/120P FIRE PROOF STEEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

860-2400(W) x 2000-2600(H)

Leaf sheet, thickness 0.8-1.0

Thép cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2-1.4

Thép làm khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng khung

Door leaf thickness sizes 50/60

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC/ Powder coating

Mặt cánh phủ Laminate PVC/ Sơn tĩnh điện

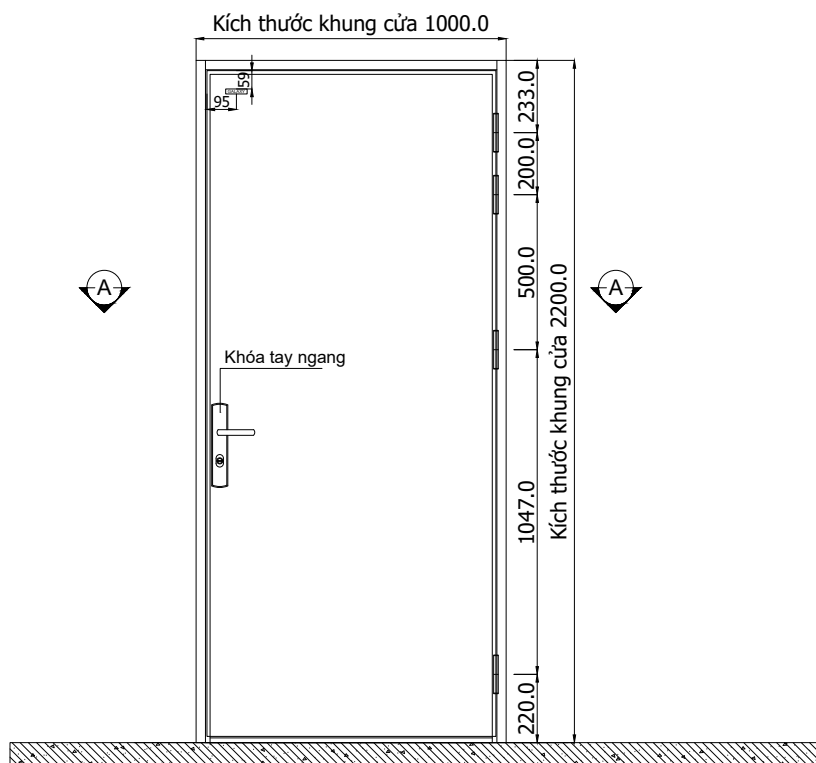
Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

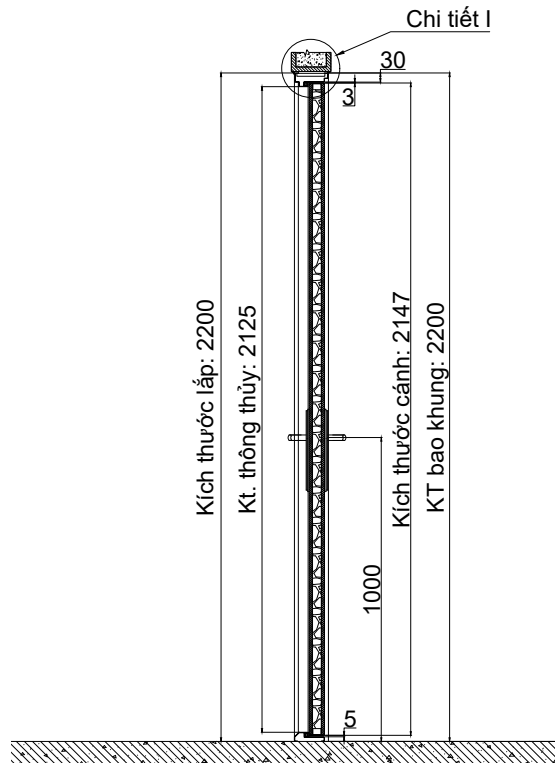
Magie Oxit

Galaxy accessories sync

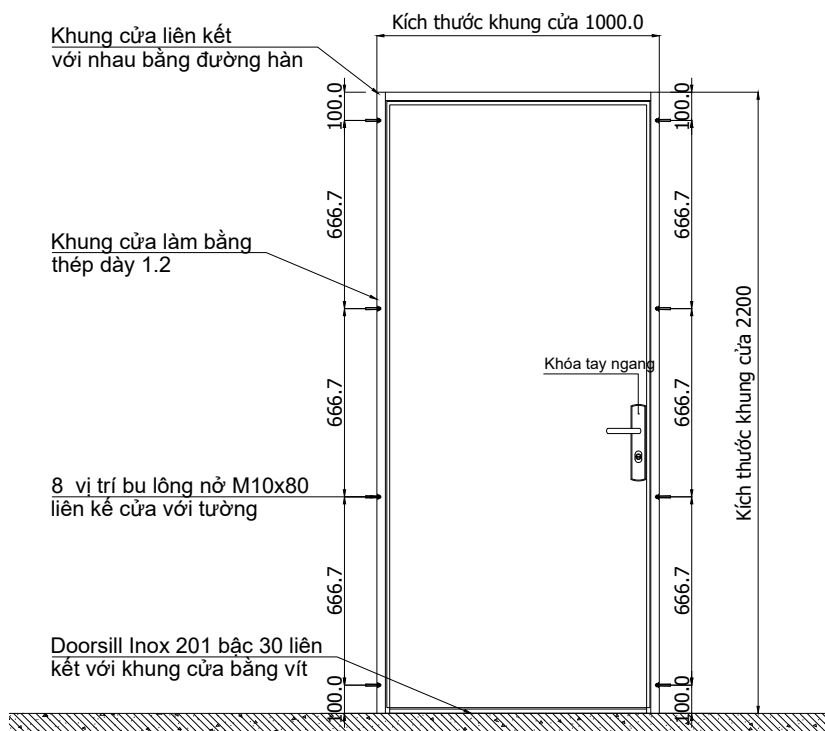
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



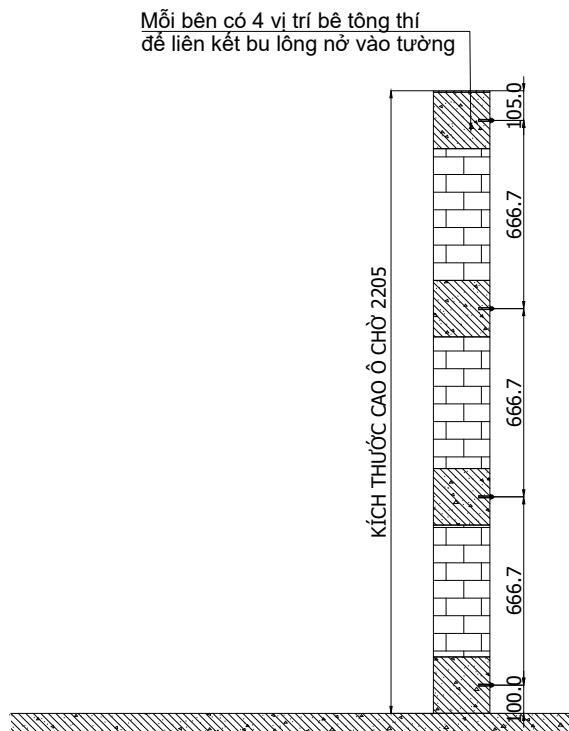
MẶT ĐỨNG A
CỬA HGF



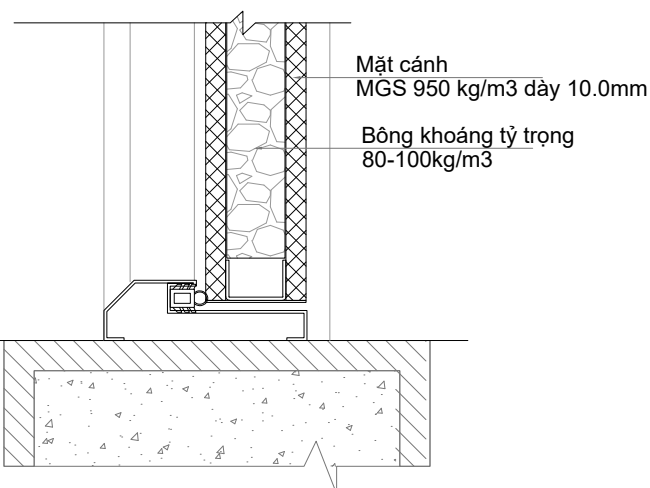
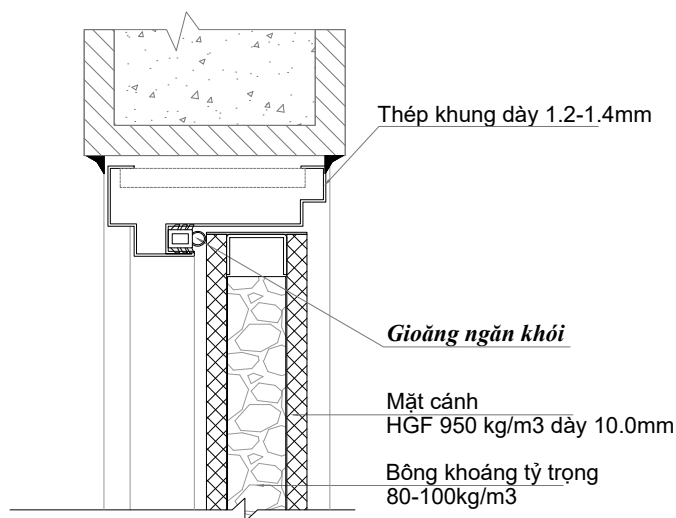
MẶT CẮT B-B
CỬA HGF



MẶT ĐỨNG B
CỬA HGF



VỊ TRÍ THAY GẠCH ĐẶC HOẶC BÊ TÔNG
CỬA HGF



CHI TIẾT CỬA I-II
CỬA HGF

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

HGF DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

860-2400(W) x 2000-2600(H)

Leaf sheet, thickness 10

Mặt cánh HGF dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép làm khung dày

Door frame width sizes 110-250

Rộng khung

Door leaf thickness sizes 50

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

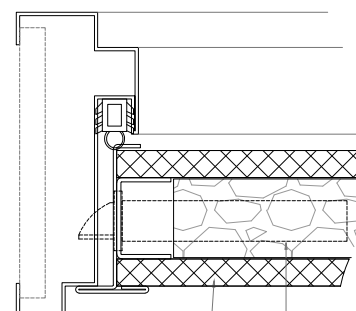
Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

Bông khoáng

Galaxy accessories sync

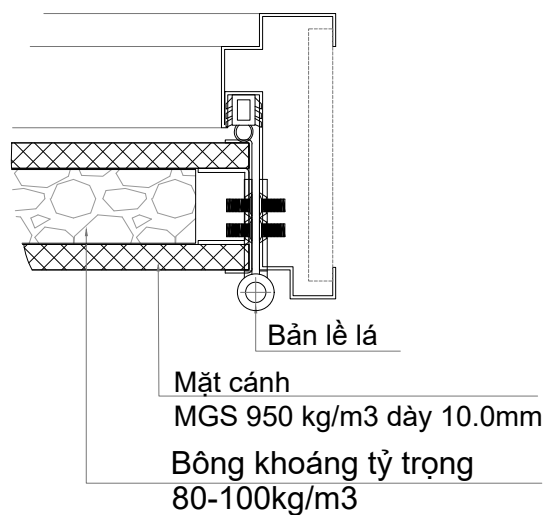
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



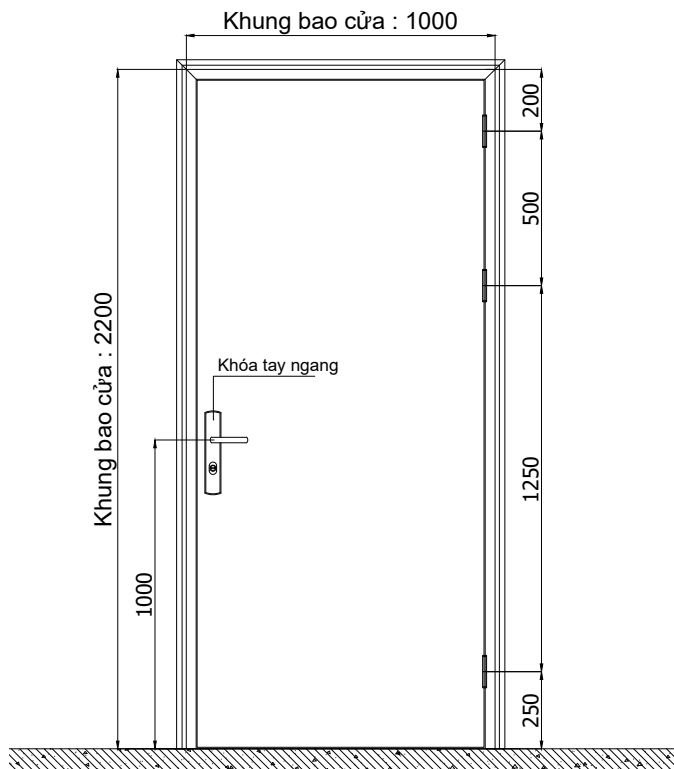
Mặt cánh
MGS 950 kg/m3 dày 10.0mm

Bông khoáng tỷ trọng
80-100kg/m3

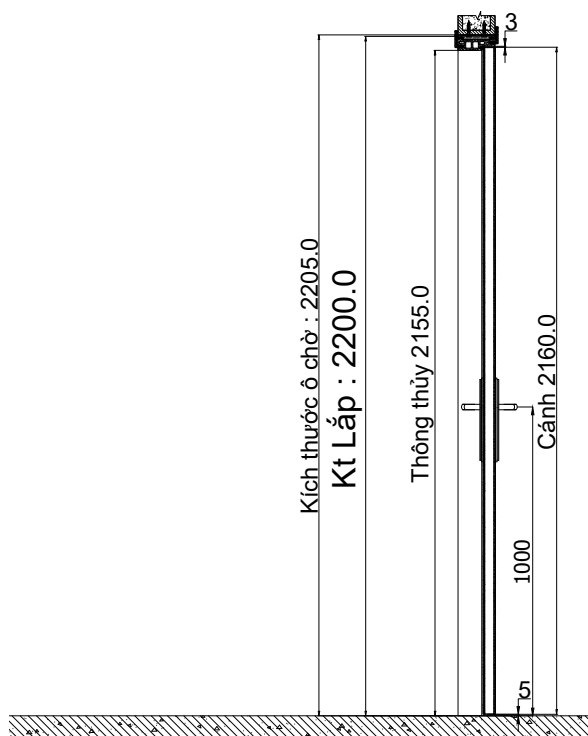
CHI TIẾT CỬA III
CỬA HGF



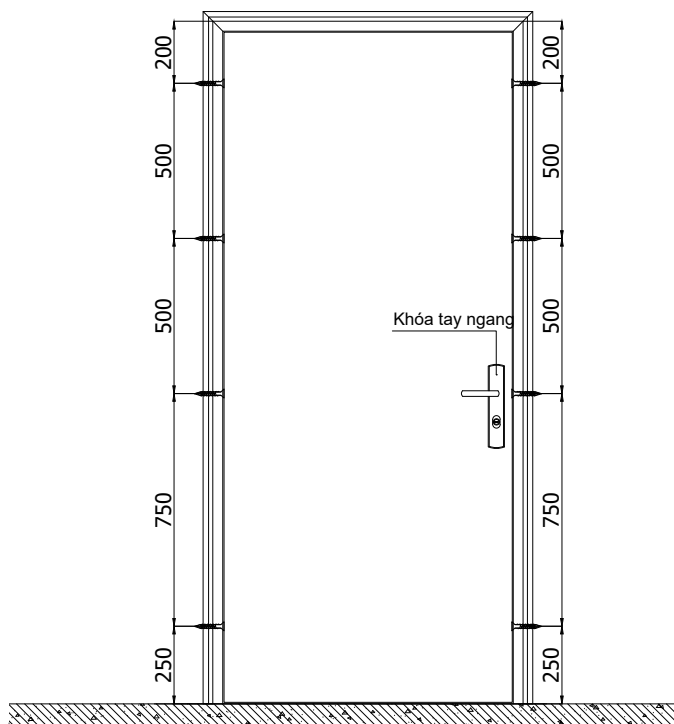
CHI TIẾT CỬA IV
CỬA HGF



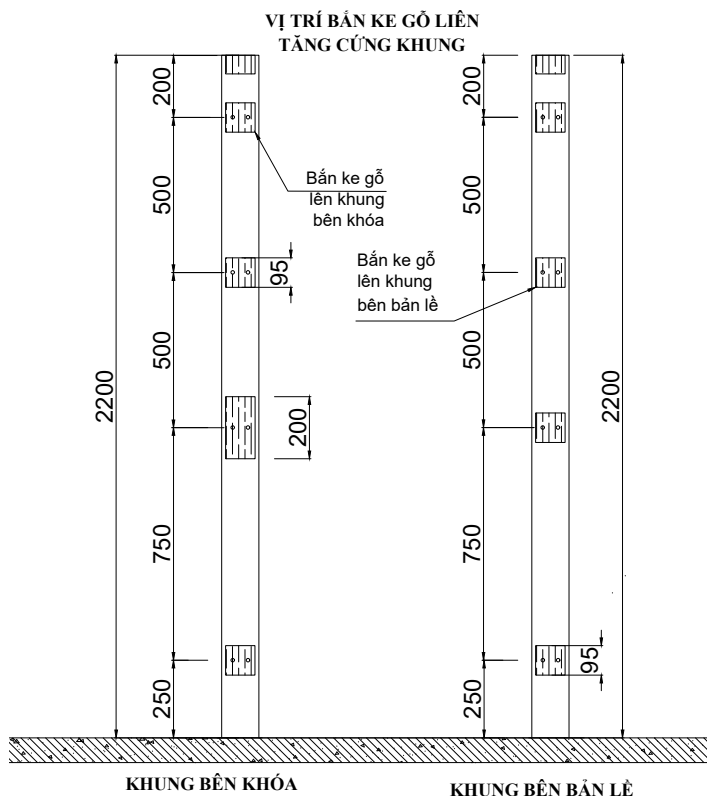
MẶT ĐỨNG A
CỬA WPC PANEL

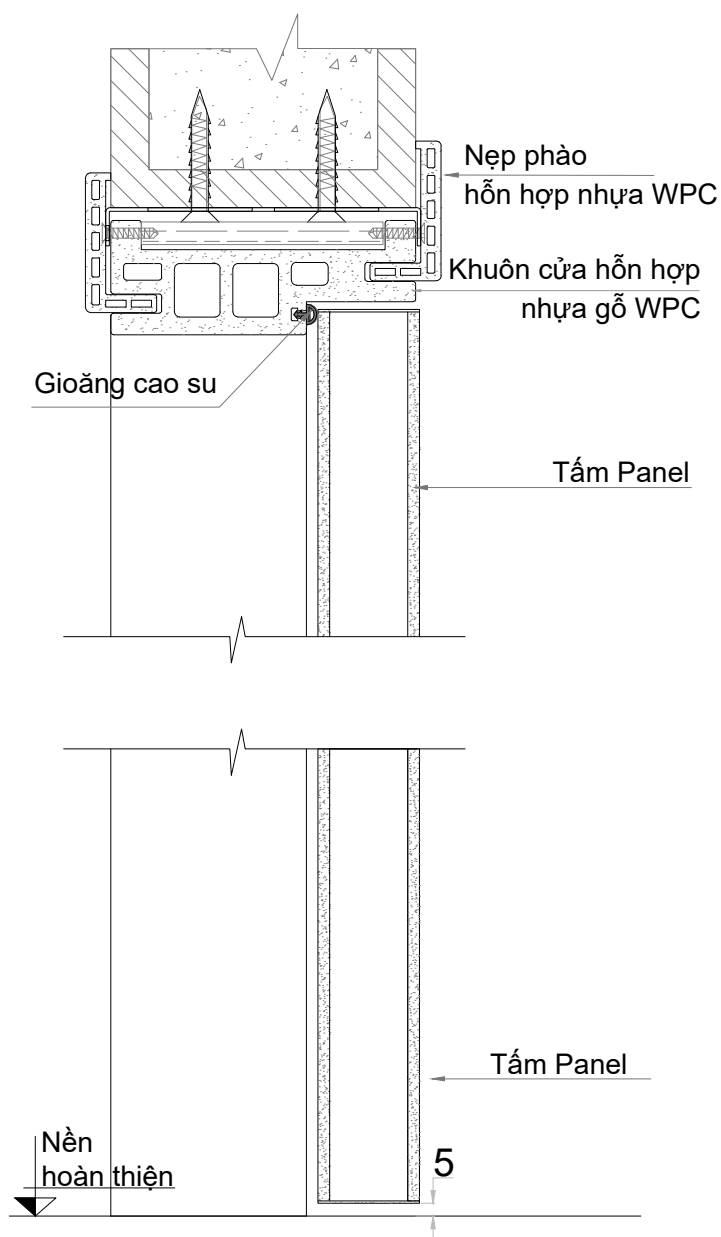


MẶT CẮT B-B
CỬA WPC PANEL

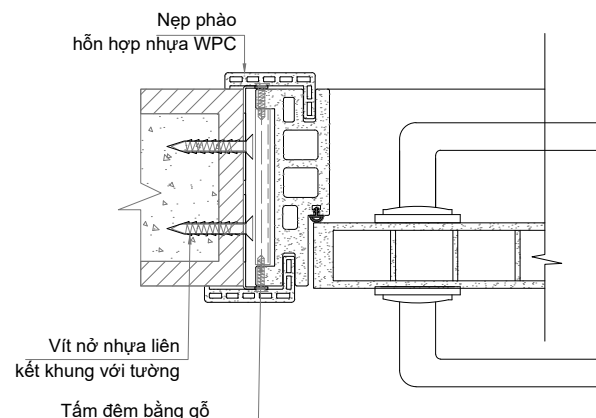


MẶT ĐỨNG B
CỬA WPC PANEL

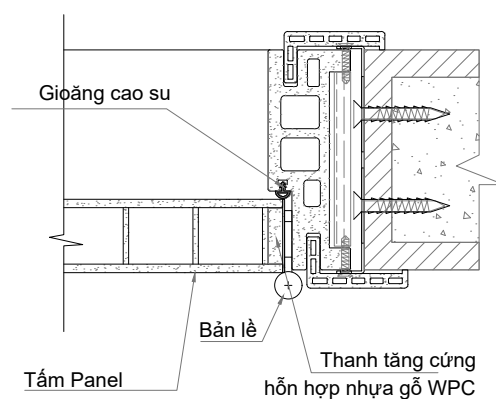




CHI TIẾT CỬA I-II
CỬA WPC PANEL



CHI TIẾT CỬA III
CỬA WPC PANEL



CHI TIẾT CỬA IV
CỬA WPC PANEL

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

WPC PANEL DOOR

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-240

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 40

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

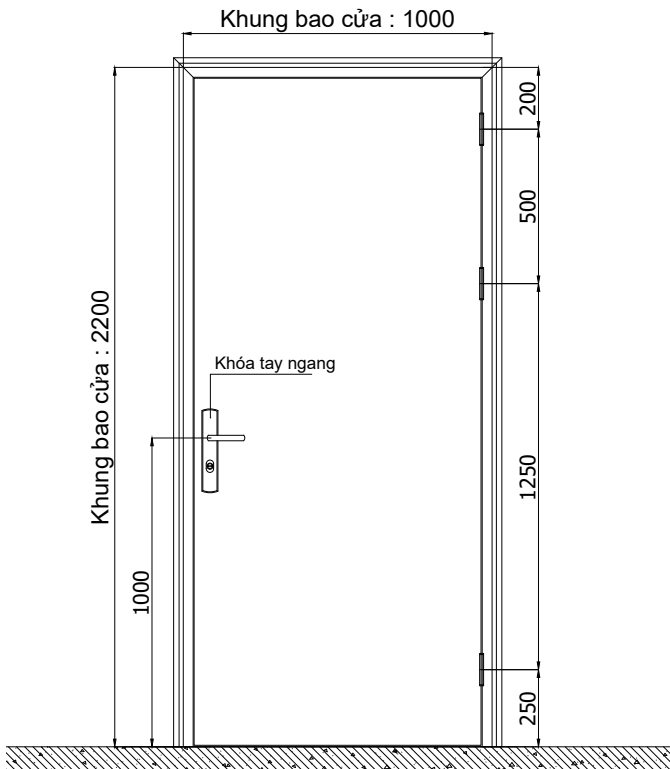
Mặt cánh phủ Laminate PVC

Wood plastic composite leaf

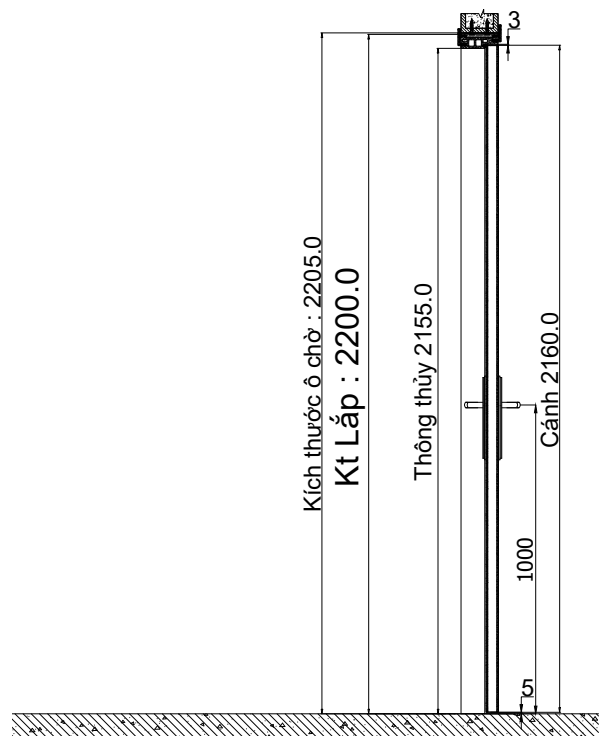
Cánh WPC nguyên khối

Galaxy accessories sync

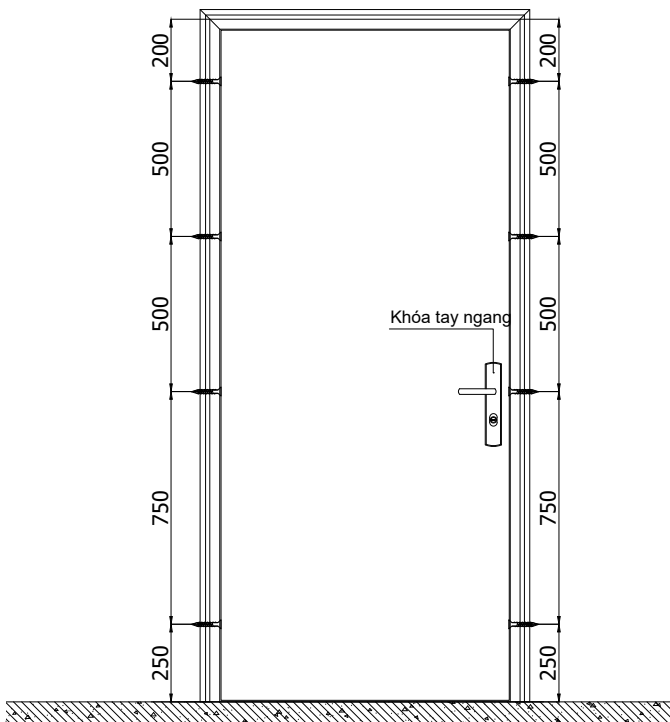
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



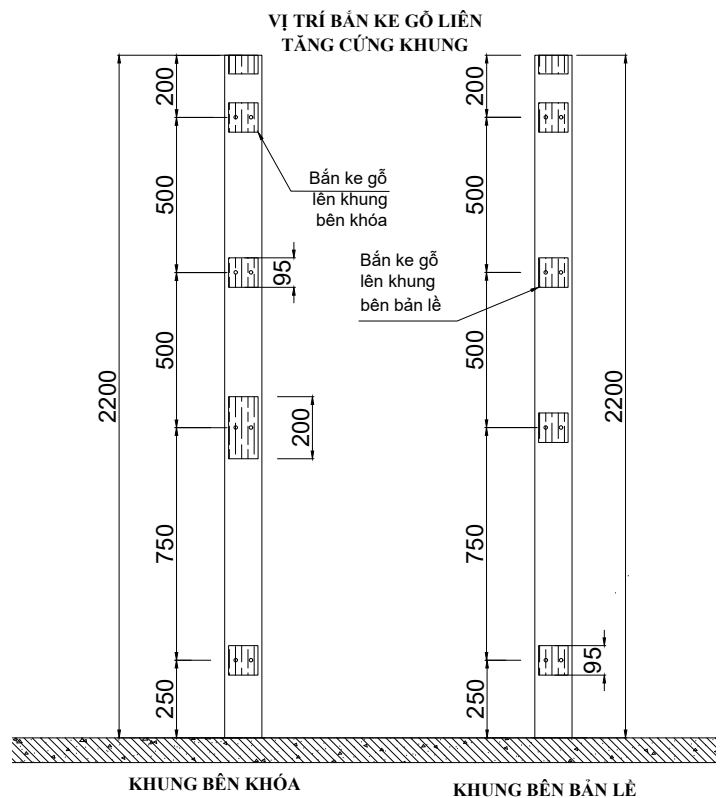
MẶT ĐỨNG A
CỬA WPC/ABS SHEET



MẶT CẮT B-B
CỬA WPC/ABS SHEET

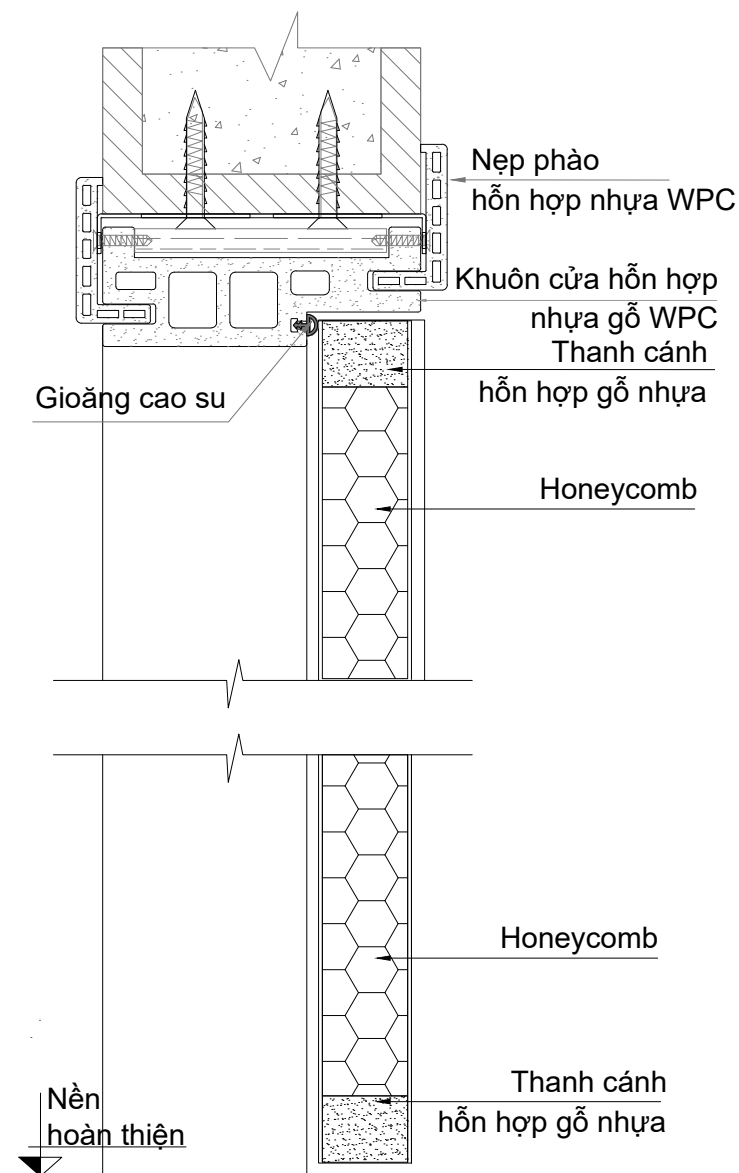


MẶT ĐỨNG B
CỬA WPC/ABS SHEET

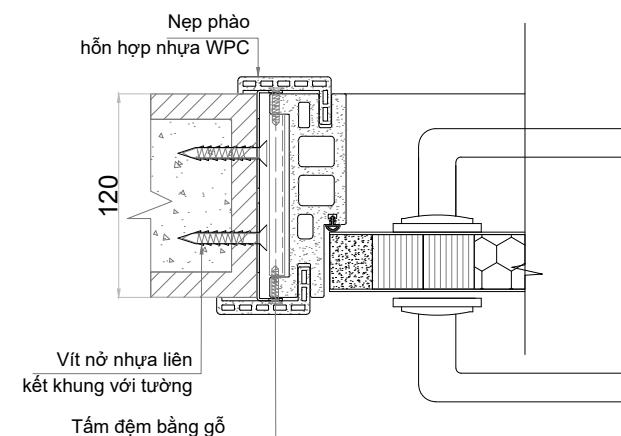


KHUNG BÊN KHÓA

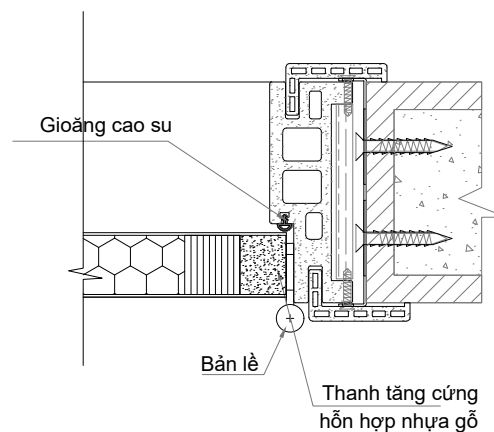
KHUNG BÊN BẢN LỀ



CHI TIẾT CỬA I-II
CỬA WPC/ABS SHEET



CHI TIẾT CỬA III
CỬA WPC/ABS SHEET



CHI TIẾT CỬA IV
CỬA WPC/ABS SHEET

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

ABS/ WPC SHEET

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

700-1000 (W) x 1900-2200 (H)

Door frame width sizes 100-240

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 39

Dày cánh

Sheet thickness 1.3/1.8

Dày tấm mặt cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

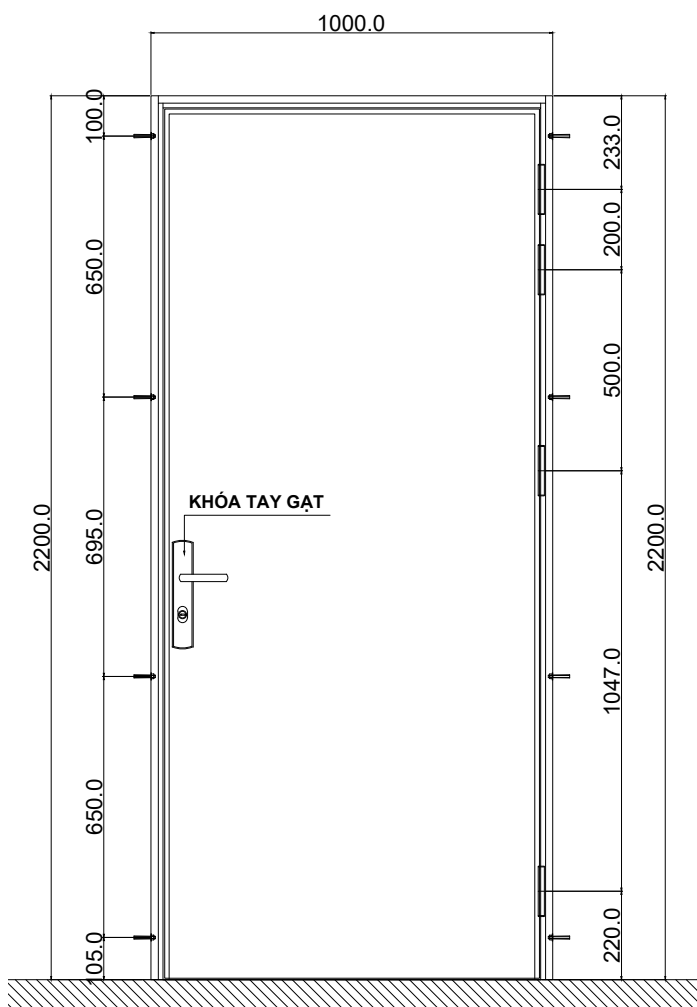
Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

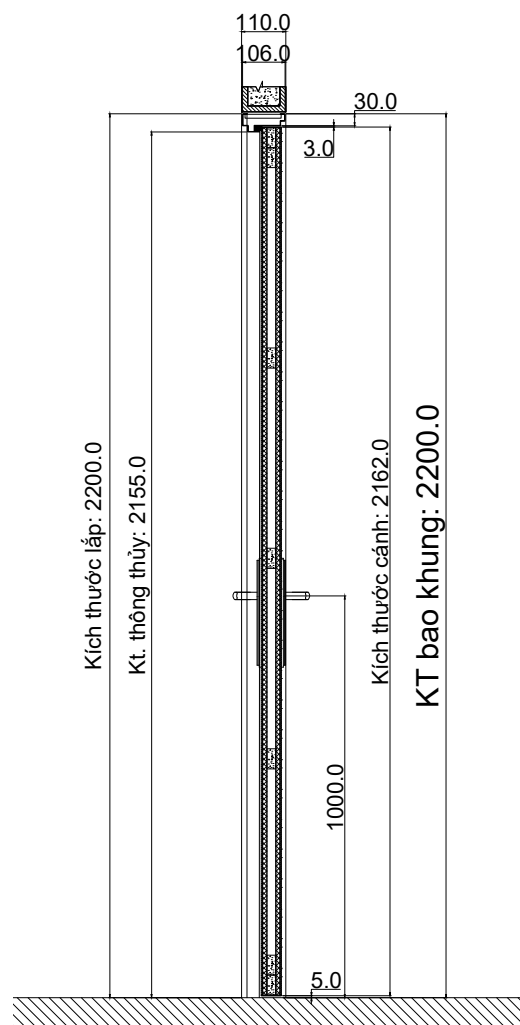
Honeycomb

Galaxy accessories sync

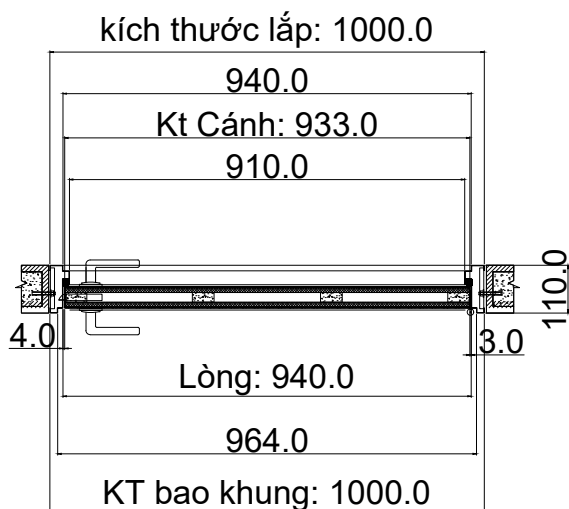
Phụ kiện Galaxy đồng bộ



MẶT ĐỨNG CÁNH CỬA
CỬA GỖ CHỐNG CHÁY EI60P



MẶT CẮT DỌC
CỬA GỖ CHỐNG CHÁY EI60P



MẶT CẮT NGANG
CỬA GỖ CHỐNG CHÁY EI60P

NEW THÔNG SỐ KỸ THUẬT

**FIREPROOF
WOODEN DOOR**

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

1000(W) x 2200(H)

MDF thickness 3

MDF ốp cánh dày

Frame sheet, thickness 1.2

Thép khung dày

Door leaf thickness sizes 50±1.0

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

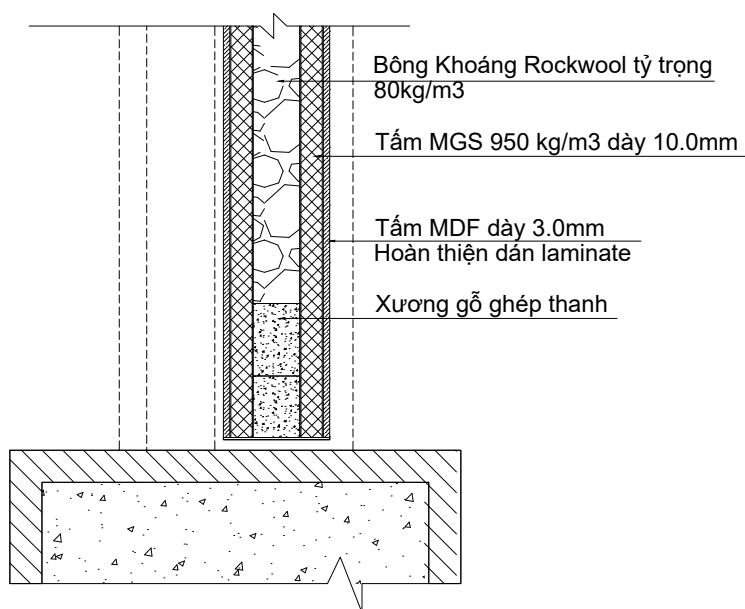
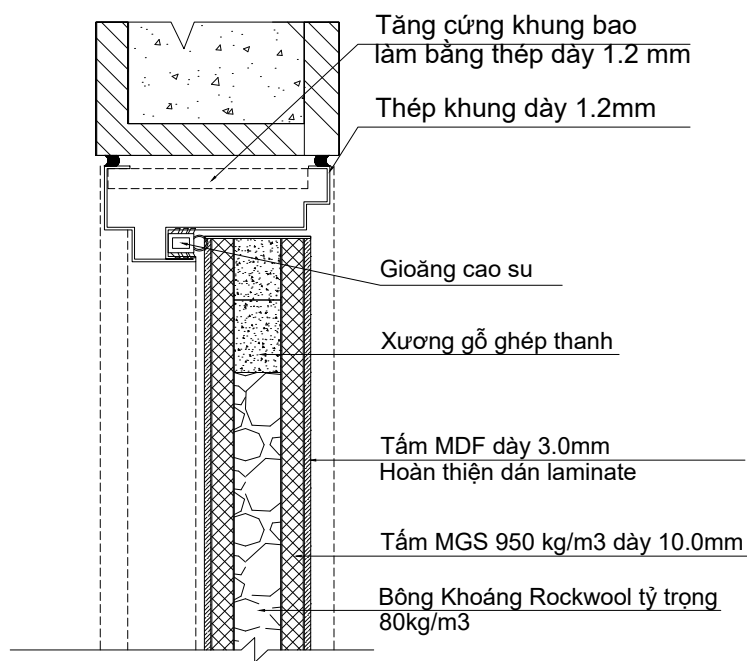
- MDF dày 3.0mm phủ Film laminate

- Tấm MGS 950 kg/m³ dày 10.0mm

- Lõi Bông Khoáng Rockwool tỷ trọng 80 kg/m³

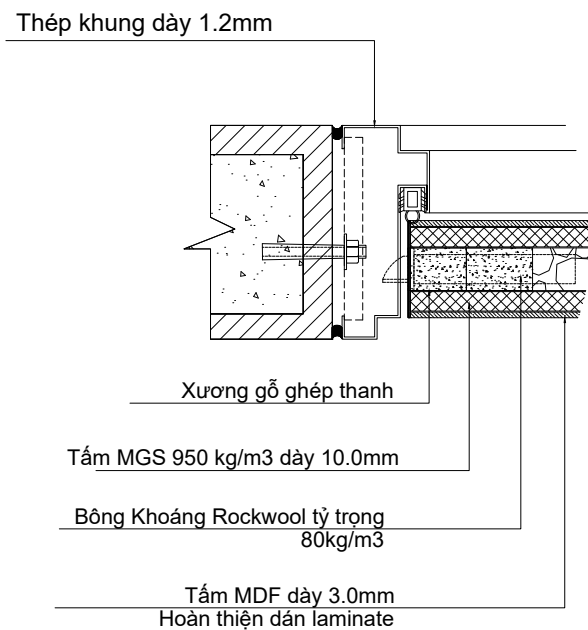
Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ



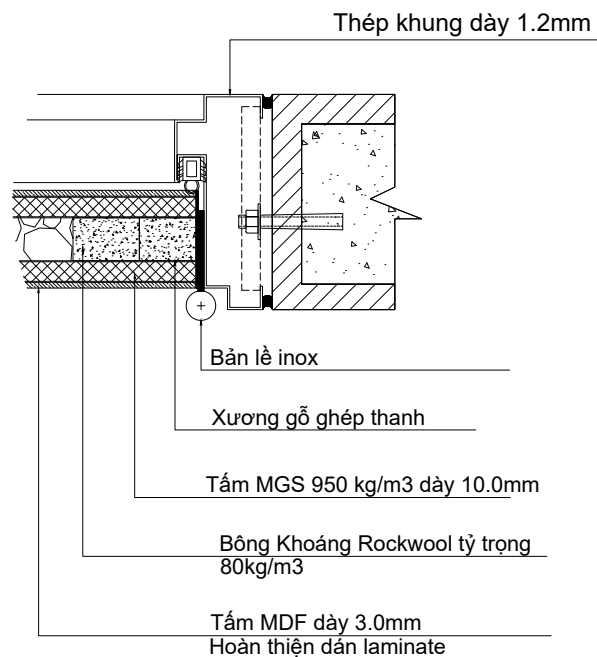
CHI TIẾT CỬA I-II

CỬA GỖ CHỐNG CHÁY EI60P



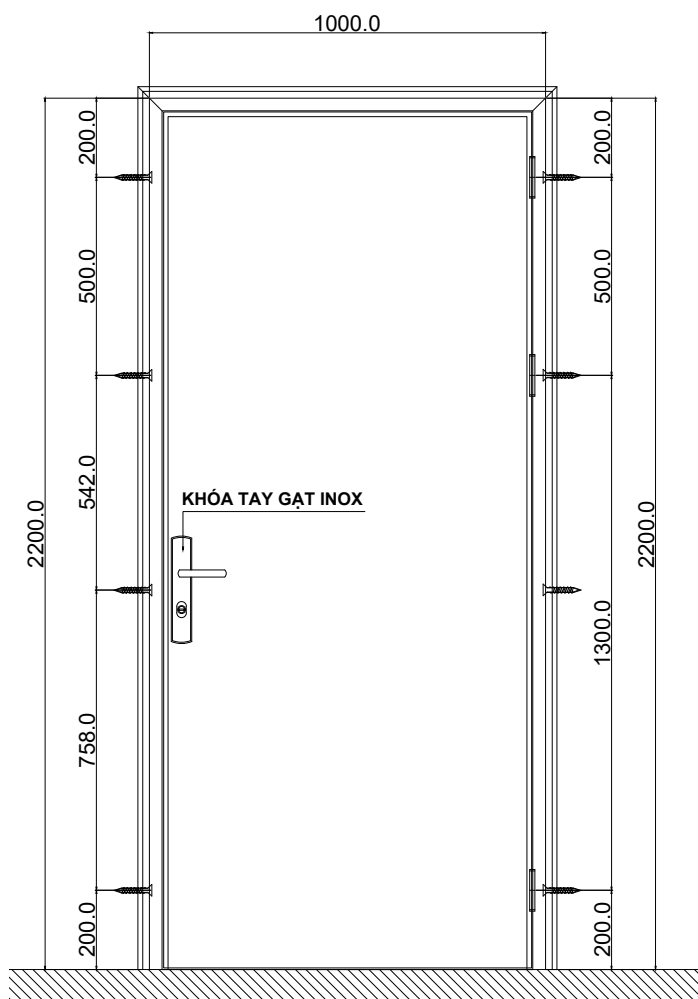
CHI TIẾT CỬA III

CỬA GỖ CHỐNG CHÁY EI60P

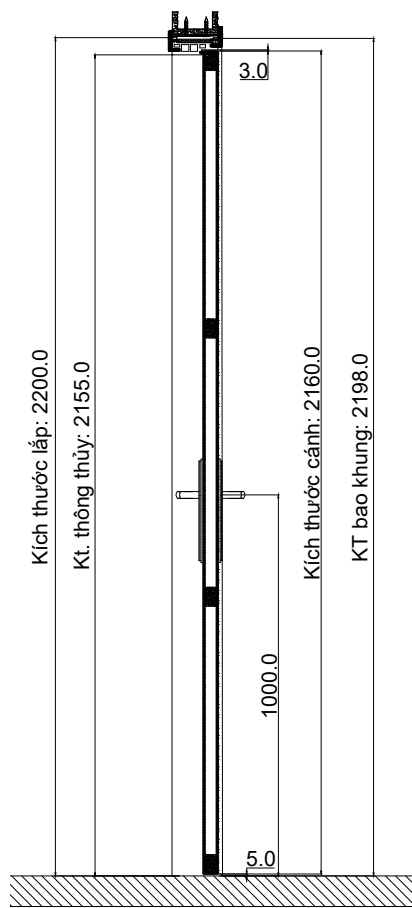


CHI TIẾT CỬA IV

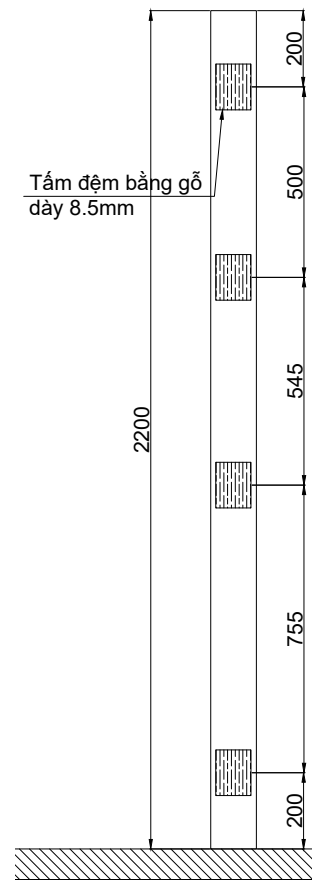
CỬA GỖ CHỐNG CHÁY EI60P



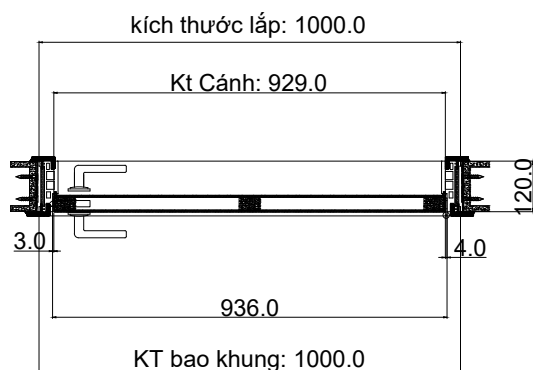
MẶT ĐỨNG CÁNH CỬA
CỬA GỖ KHUNG WPC



MẶT CẮT DỌC
CỬA GỖ KHUNG WPC



Tám đệm bằng gỗ
dày 8.5mm



MẶT CẮT NGANG
CỬA GỖ KHUNG WPC

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

WOODEN SHEET FRAME WPC

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

1000(w) x 2200(H)

Door frame width sizes 100-240

Rộng Khung

Door leaf thickness sizes 40

Dày cánh

MDF Sheet thickness 5

Tấm MDF mặt cánh dày

Leaf covered with Laminate PVC

Mặt cánh phủ Laminate PVC

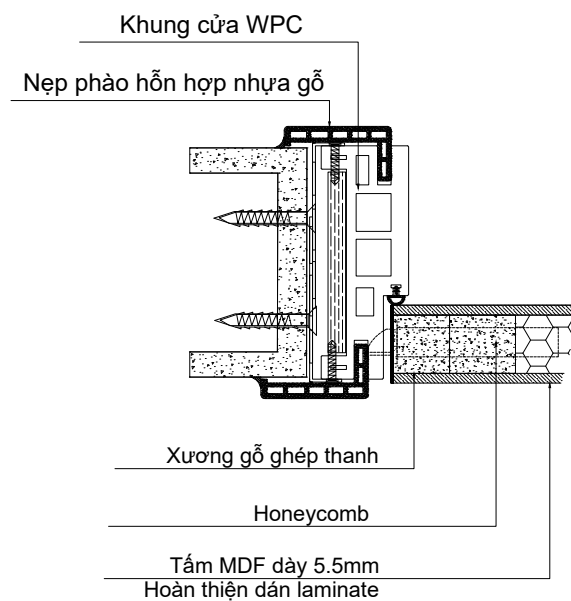
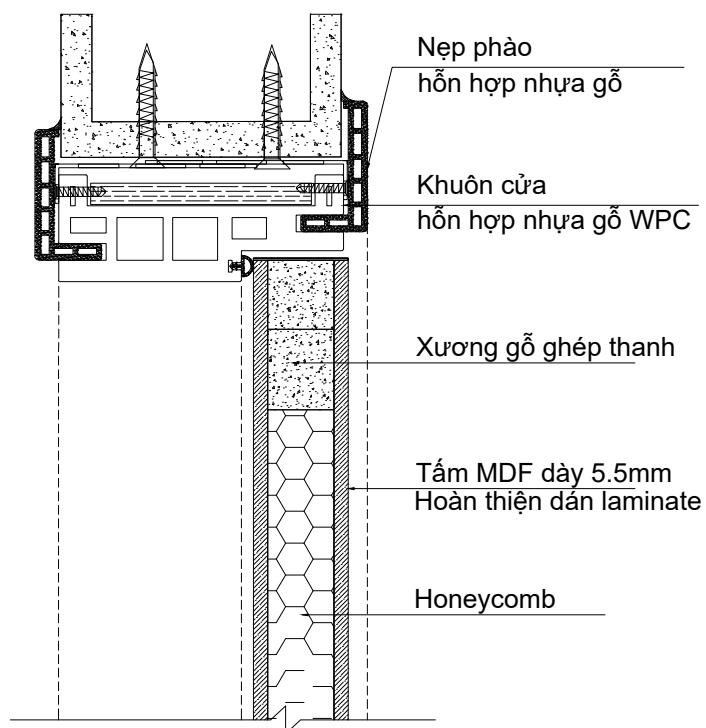
Material in the leaf door:

Vật liệu trong cánh:

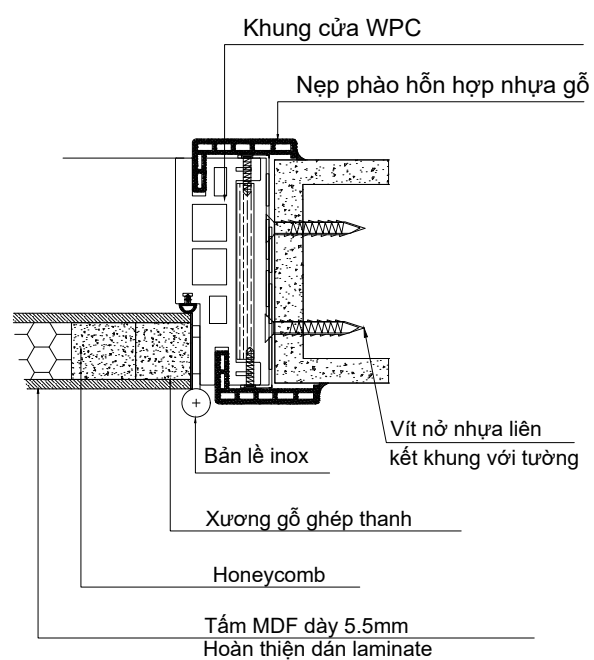
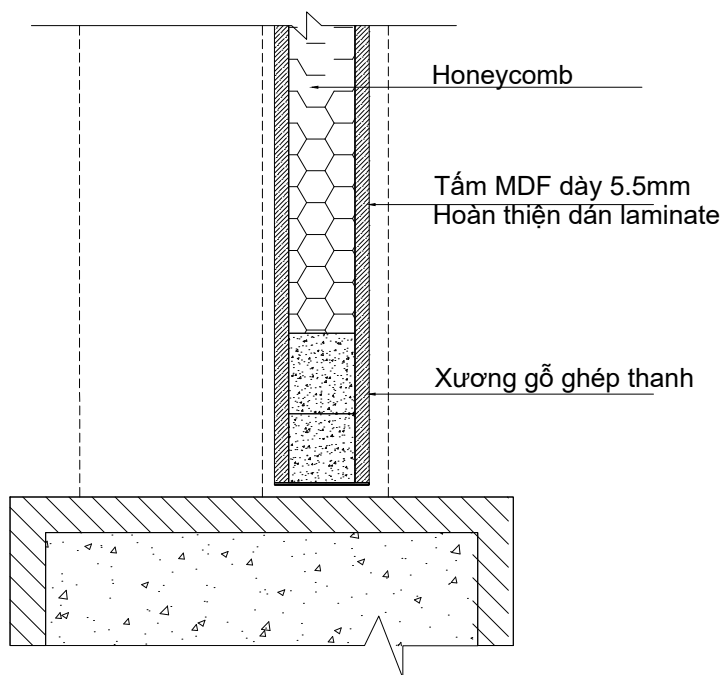
Honeycomb

Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

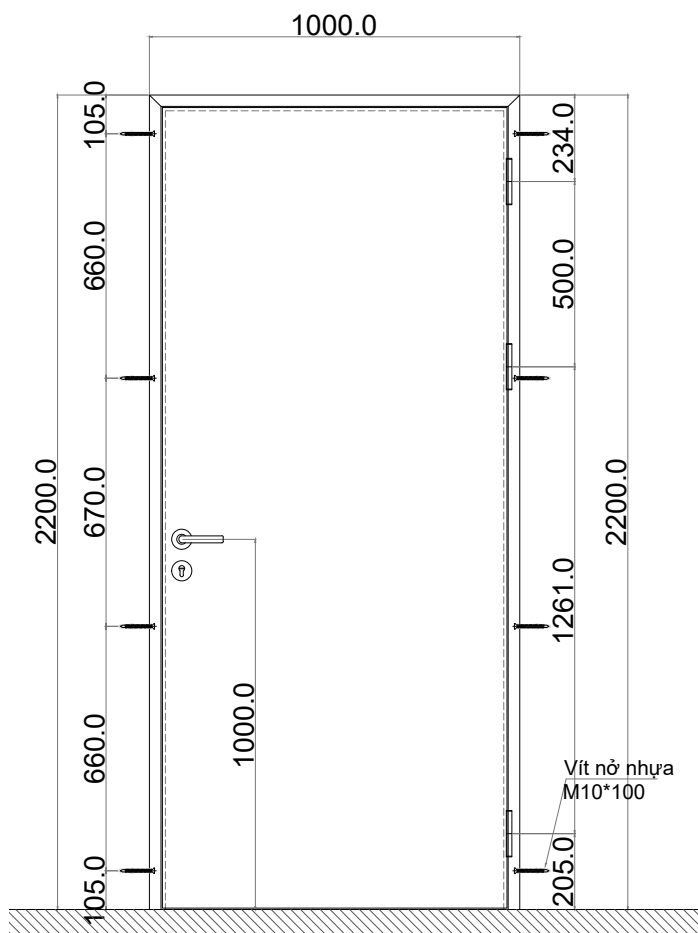


CHI TIẾT CỬA III
CỬA GỖ KHUNG WPC



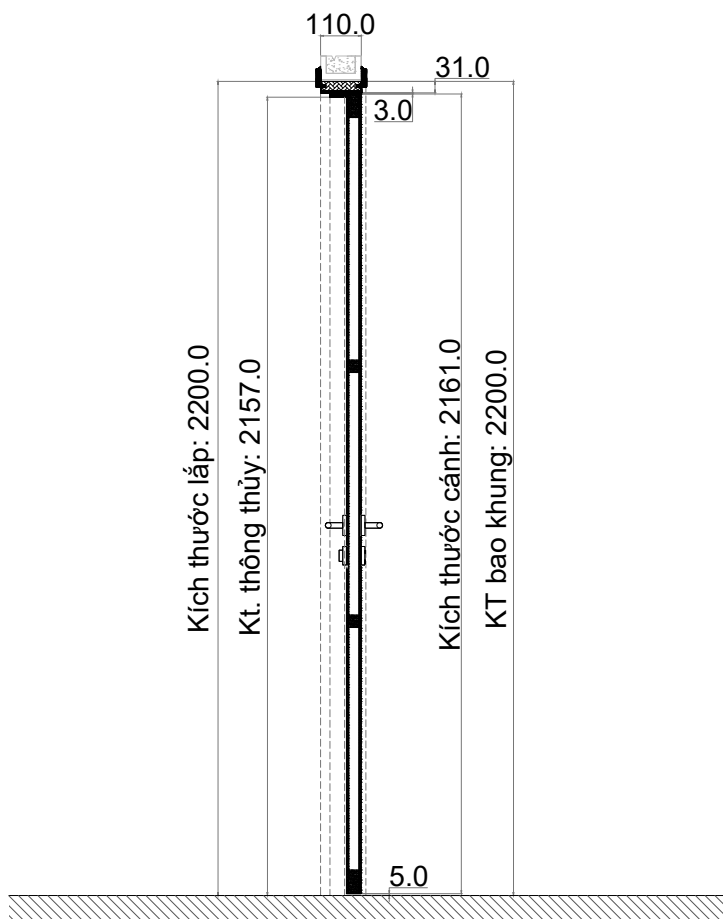
CHI TIẾT CỬA I-II
CỬA GỖ KHUNG WPC

CHI TIẾT CỬA IV
CỬA GỖ KHUNG WPC



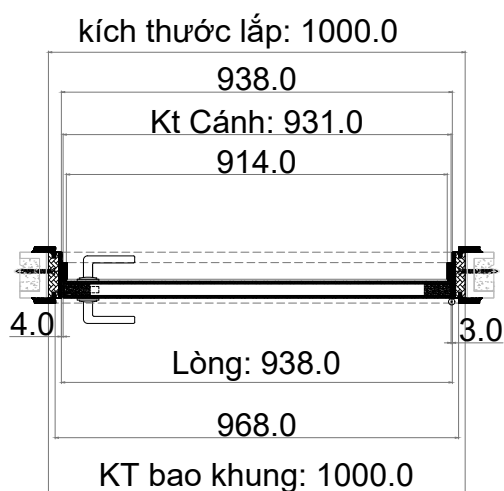
MẶT ĐỨNG CÁNH CỬA

CỬA GỖ KHUNG GỖ



MẶT CẮT DỌC

CỬA GỖ KHUNG GỖ



MẶT CẮT NGANG

CỬA GỖ KHUNG GỖ

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

**WOODEN SHEET
FRAME WOOD**

Standard size (mm)

Kích thước tiêu chuẩn

1000(W) x 2200(H)

Thickness of MDF panel 5.0

Laminate finishing

Độ dày tấm MDF phủ Laminate

Door frame width sizes 90-230

Rộng Khung

Door frame thickness 43±2

Dày khung

Door leaf thickness 40

Dày cánh

Leaf covered with Laminate PVC

Decorative metal bars

Mặt cánh phủ Laminate PVC

Thanh kim loại trang trí

Material in the leaf door:

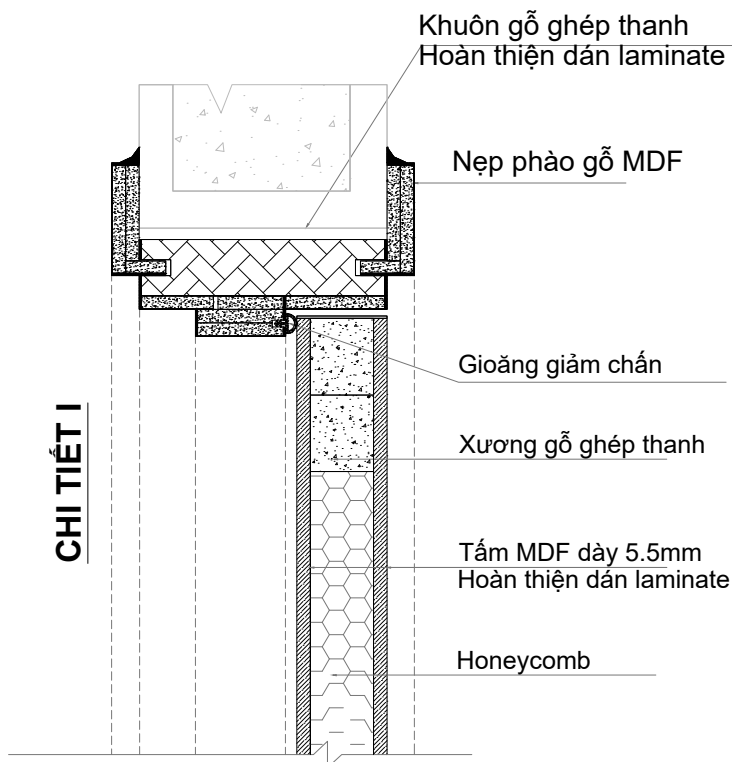
Vật liệu trong cánh:

Honeycomb

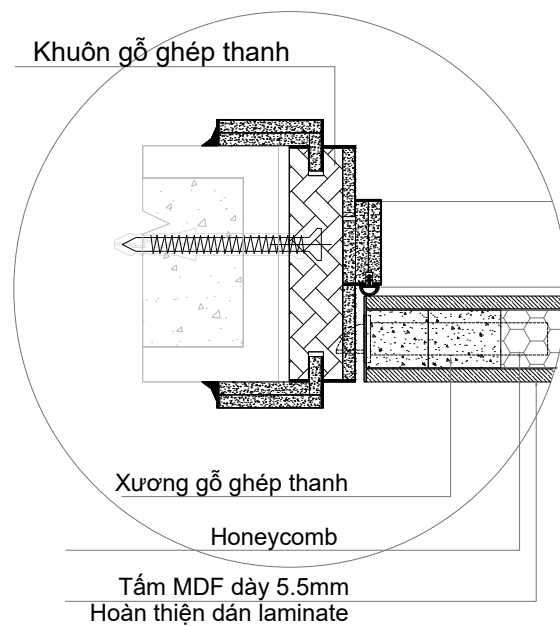
Galaxy accessories sync

Phụ kiện Galaxy đồng bộ

CHI TIẾT I

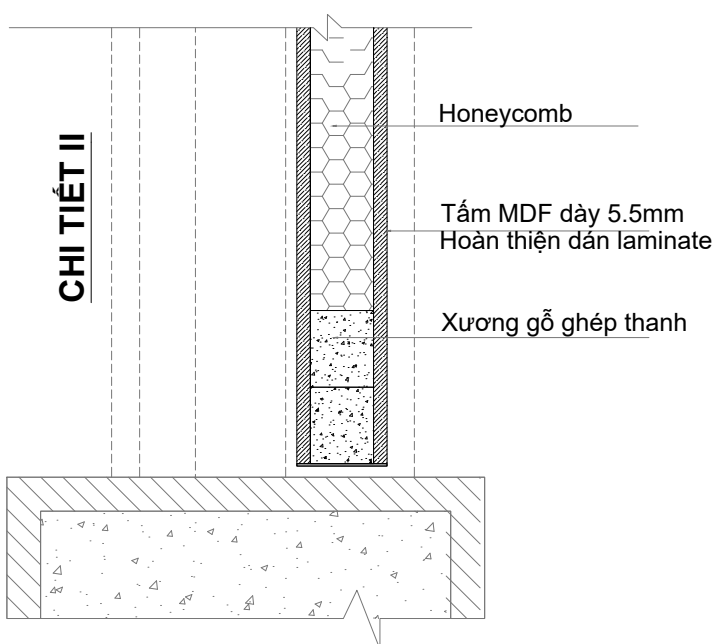


Khuôn gỗ ghép thanh

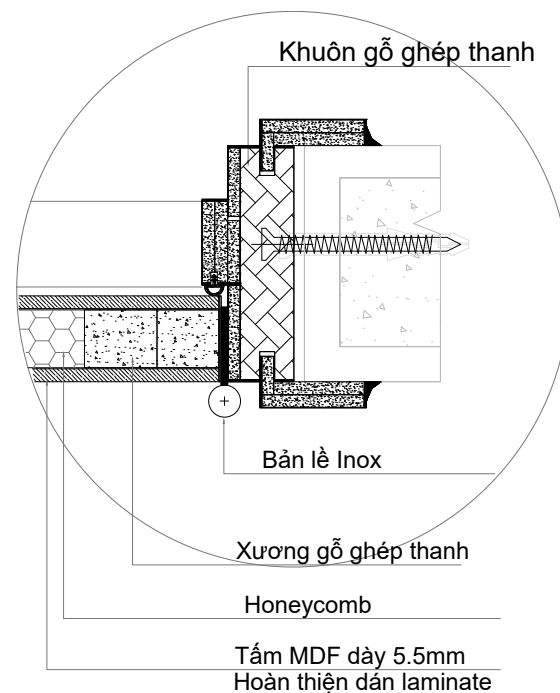


CHI TIẾT CỦA III
CỬA GỖ KHUNG GỖ

CHI TIẾT II

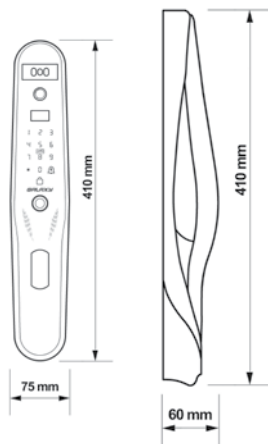


Khuôn gỗ ghép thanh

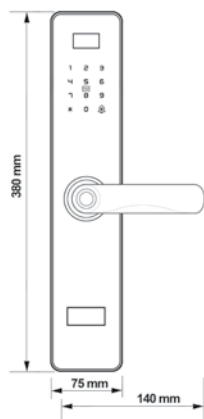


CHI TIẾT CỦA I-II
CỬA GỖ KHUNG GỖ

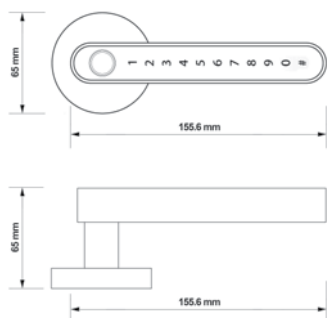
CHI TIẾT CỦA IV
CỬA GỖ KHUNG GỖ



- **Model** GALAXY G2099
Mã số
- **Material** Al Die casting
Chất liệu Hợp kim cao cấp
- **Unlocking** Fingerprint/Card/Pin/Override Key
Mở khóa Vân tay/ Thẻ từ/ Mật mã/Chìa khẩn cấp
- **Capacity** 100 Fingerprints + 100 Cards + 100 User (PIN) + 2 Keys
Number of open faces depending on 3D storage (20 or 100)
Khả dụng 100 vân tay + 100 thẻ từ + 100 mã số + 2 chìa cơ + Nhận diện khuôn mặt phụ thuộc vào bộ nhớ 3D (20 hoặc 100)
- **Size (mm)** 75(W) x 410(H) x 60(D)
Kích thước
- **Colour** Black
Màu sắc Màu đen



- **Model** GALAXY 1908
Mã số
- **Material** Al Die casting
Chất liệu Hợp kim cao cấp
- **Unlocking** Fingerprint/Card/Pin and Override Key + App
Mở khóa Vân tay/ Thẻ từ/ Mật mã và Chìa khẩn cấp
- **Capacity** 100 Fingerprints + 50 Cards + 5 User (PIN) + 2 Keys
Khả dụng 100 vân tay + 50 thẻ từ + 5 mã số + 2 chìa cơ
- **Size (mm)** 75(W) x 350(H) x 65(D)
Kích thước
- **Colour** Silver/ Black
Màu sắc Màu bạc/ màu đen



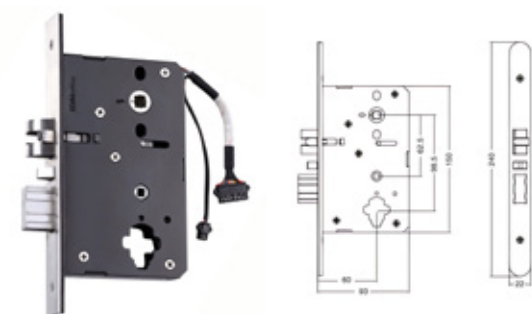
- **Model** GALAXY T8AI
Mã số
- **Material** Al Die casting
Chất liệu Hợp kim cao cấp
- **Unlocking** Fingerprint/Pin and Override Key + App
Mở khóa Vân tay/ Mật mã và Chìa khẩn cấp
- **Capacity** 50 Fingerprints + 100 User (PIN) + 2 Keys
Khả dụng 50 vân tay + 100 mã số + 2 chìa cơ
- **Size (mm)** Ø65, 155.6mm
Kích thước
- **Colour** Black
Màu sắc Màu đen



- Model: GALAXY E300-SS
Mã số
- Material: Al Die casting & SUS 304
Chất liệu
- Unclocking: Card and Override Key
Mở khóa
- Capacity: Cards + Keys
Khả dụng
- Size (mm): 78(W) x 288(H) x 18(D)
Kích thước
- Colour: Silver
Màu sắc



- Model: GALAXY E300-BN
Mã số
- Material: Al Die casting & SUS 304
Chất liệu
- Unclocking: Card and Override Key
Mở khóa
- Capacity: Cards + Keys
Khả dụng
- Size (mm): 78(W) x 288(H) x 18(D)
Kích thước
- Colour: Black
Màu sắc



THÂN KHÓA THÉP KHÔNG GỈ 304

MÁY PHÁT HÀNH THẺ
CẢM ỨNG MFC01-16

THIẾT BỊ CẦM TAY LCD PHD01-16"



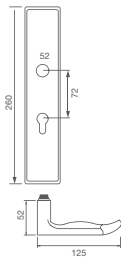
PHẦN MỀM QUẢN LÝ KHÓA CỬA

CÔNG TẮC NGUỒN ĐƯỢC MÃ HÓA
ESS-MF40E

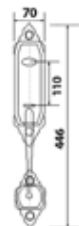
THẺ CẢM ỨNG LF50-M1



HANDLE LOCK FOR APARTMENT DOOR

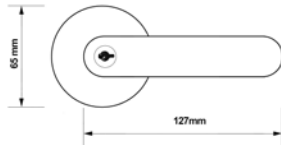


- Model
Mã số GALAXY SUSL8033SS-G
- Description
Tên hàng Plate handle
Khóa tay gạt Galaxy 1 đầu chìa/2 đầu chìa
củ chìa 80mm/90mm
Backset 45mm
- Material
Vật liệu Stainless steel matt(304)
Inox mờ (304) & Hợp kim thép

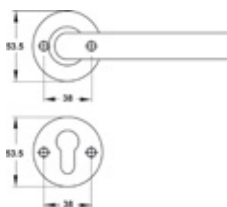


- Model
Mã số GALAXY EL9292AC
- Description
Tên hàng Plate handle
Khóa tay gạt Galaxy dùng cho cửa đại (4 cánh)
- Material
Vật liệu Copper
Đồng

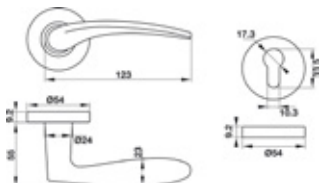
HANDLE LOCK FOR WPC/ABS DOOR



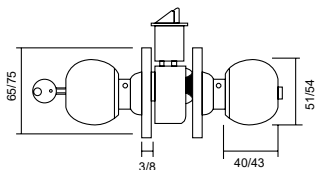
- Model
Mã số GALAXY SUS GS89320SS
- Description
Tên hàng Galaxy lever lock
Khóa Galaxy 1 đầu chìa 1 đầu xoay
- Material
Chất liệu SUS 304
Inox 304



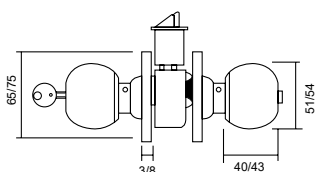
- Model
Mã số GALAXY SUS T20102SS-G
- Description
Tên hàng Curved arm lock
Khóa tay cong 1 đầu chìa, củ chìa 70mm dùng
cho cửa dày 40mm
- Material
Chất liệu SUS 304
Inox 304



- Model
Mã số GALAXY SUS GH-1750SS
- Description
Tên hàng Curved arm lock
Khóa tay cong 1 đầu chìa, củ chìa 70mm dùng
cho cửa dày 40mm
- Material
Chất liệu SUS 304
Inox 304

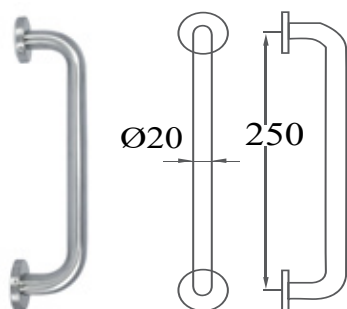


- Model
Mã số GALAXY 1000SS
- Description
Tên hàng Push and key knob
Khóa dấm tròn một đầu chìa - 1 đầu bấm
- Material
Chất liệu SUS 304
Inox 304



- Model
Mã số GALAXY 1002SS
- Description
Tên hàng Push and key knob
Khóa dấm tròn không chìa
- Material
Chất liệu SUS 304
Inox 304

LEVER HANDLE

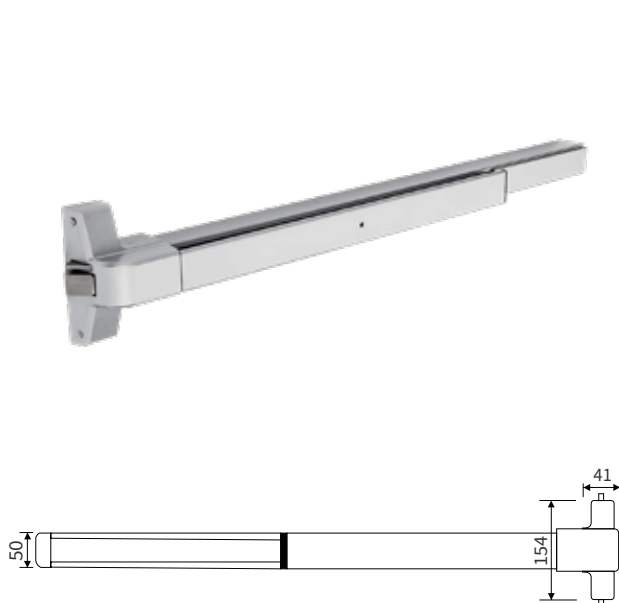


Description	Pull handle
Tên hàng	Tay nắm kéo tiêu chuẩn
Material	SS 201/ 304
Chất liệu	Inox 201/ 304
Size	Ø25x1.0mm, 250mm
Kích thước	
Finish	Satin/ Polish
Bề mặt	Mờ/ Bóng

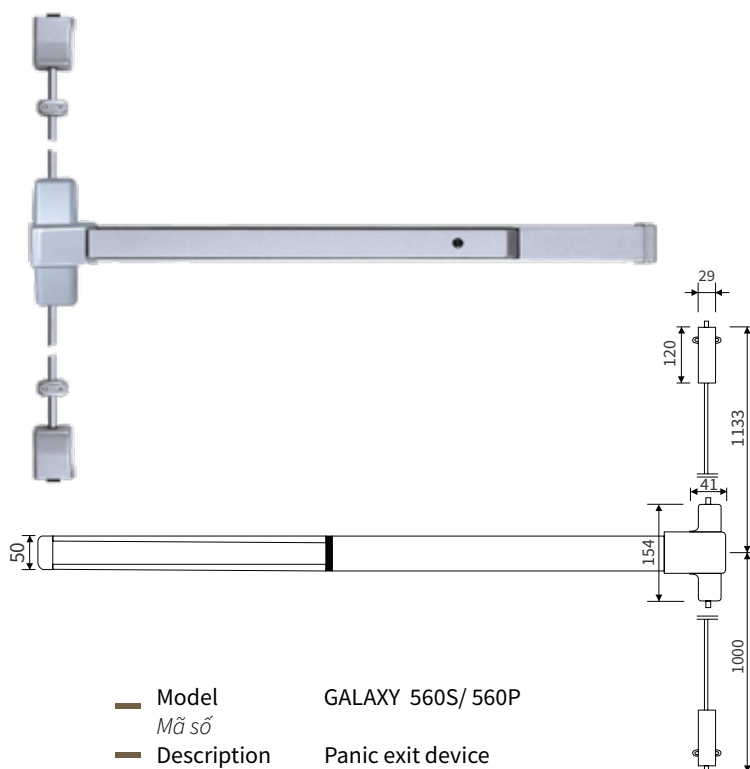


Description	Thanh lựa cánh
Tên hàng	
Material	SUS 304
Chất liệu	Inox 304
Size	
Kích thước	312x91x25mm (LxWxD)
KT con lăn	Nhựa; Ø32; Dày 10.0mm
KT phần thân	Hộp Inox 304; KT 25x13x-0.8mm
Đầu trực	Inox 304; Dày 2.5mm
Finish	Brush
Bề mặt	Inox xước

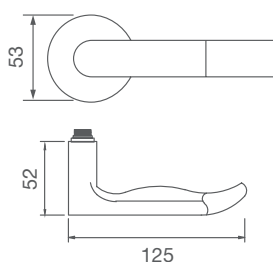
PANIC EXIT DEVICE



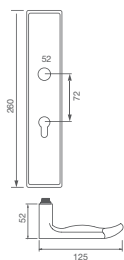
Model	GALAXY 500S/ 500P
Mã số	
Description	Panic exit device
Tên hàng	Thanh thoát hiểm đơn, không có ổ chìa
Material	SS 304/ Steel powder coating
Chất liệu	Inox 304/ Thép sơn tĩnh điện
Length	900mm
Độ dài	



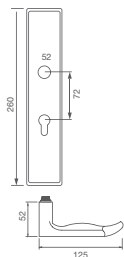
Model	GALAXY 560S/ 560P
Mã số	
Description	Panic exit device
Tên hàng	Thanh thoát hiểm đôi
Material	SS 304/ Steel powder coating
Chất liệu	Inox 304/ Thép sơn tĩnh điện
Length	900mm
Độ dài	



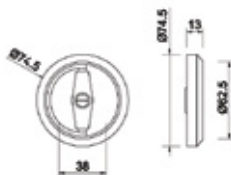
Model	GALAXY 006Z / 006S
Mã số	
Description	Lever trim for exit door
Tên hàng	Khóa cửa thoát hiểm
Material	Zinc Alloy/ SS 304
Chất liệu	Hợp kim/ Inox 304
Appliance	Exit door
Ứng dụng	Cửa thoát hiểm



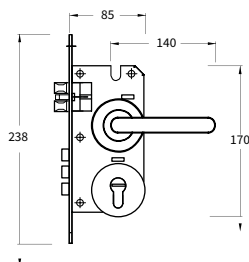
- Model: GALAXY SUSL8033SS-G
- Mã số
- Description: Plate handle
- Tên hàng: Khóa tay gạt Galaxy 1 đầu chìa/ 2 đầu chìa
củ chìa 80mm/ 90mm
Backset 45mm
- Material: Stainless steel matt(304)
- Vật liệu: Inox mờ (304) & Hợp kim thép



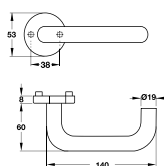
- Model: L8033X
- Mã số
- Description: Plate handle
- Tên hàng: Khóa tay gạt Galaxy 1 đầu chìa- KD
Backset 50mm
- Material: Stainless steel matt(304)
- Vật liệu: Inox mờ (304)



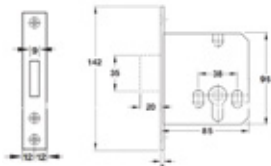
- Model: GALAXY 70STS-ENT
- Mã số
- Description: Lever handle
- Tên hàng: Khóa móc âm KA (Key alike)/ KD
- Material: Stainless steel matt(304)
- Vật liệu: Inox mờ (304) & Hợp kim thép
- Appliance: Technical door
- Ứng dụng: Cửa kỹ thuật



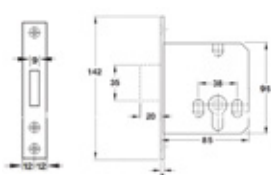
- Model: GALAXY SUS T20 103SS-G
- Mã số
- Description: Lever handle
- Tên hàng: Khóa tay cong Galaxy 1 đầu chìa/ 2 đầu chìa
Củ chìa 80mm/ 90mm
Backset 45mm
- Material: Stainless steel matt(304)
- Vật liệu: Inox mờ (304) & Hợp kim thép



- Model: GALAXY 55ZC
- Mã số
- Description: Lever handle
- Tên hàng: Khóa tay ngang không có ổ chìa
- Material: Stainless steel matt(304)
- Vật liệu: Inox mờ (304) & Hợp kim thép

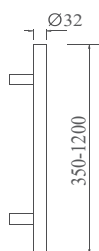


- Model: GALAXY SUS CT2013 SS
- Mã số
- Description: Lever handle
- Tên hàng: Khóa chốt chết tay móc kéo
- Material: Stainless steel matt(304)
- Vật liệu: Inox mờ (304) & Hợp kim thép



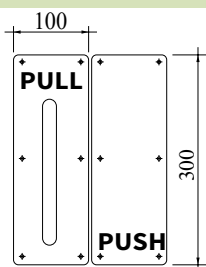
- Model: GALAXY SUS CT2013 SS
- Mã số
- Description: Lever handle
- Tên hàng: Khóa chốt chết/ Khóa bản lề sàn 1 hoặc 2 đầu chìa
Củ chìa 80/90mm
- Material: Stainless steel matt(304)
- Vật liệu: Inox mờ (304) & Hợp kim thép

PULL HANDLE SET



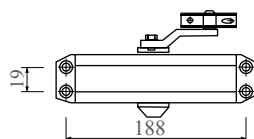
Description	Pull handle set
Tên hàng	Tay nắm kéo tiêu chuẩn
Material	SS 304/ SS 201 (Satin/ Polish)
Chất liệu	Inox 304/ Inox 201 (Mờ/ Bóng)
Size	Ø32x1.0mm
Kích thước	
Length	350mm/ 600mm/ 800mm/ 1000mm/ 1200mm
Chiều dài	

PUSH AND PULL PLATE

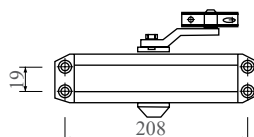


Description	GALAXY Push and Pull plate
Tên hàng	Bảng "Kéo/ Đẩy"
Size	Ø19, 300x100mm
Kích thước	
Material	Stainless steel polished (304)
Vật liệu	Inox bóng (304)

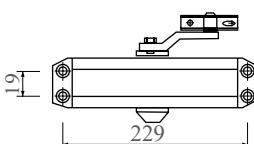
DOOR CLOSER



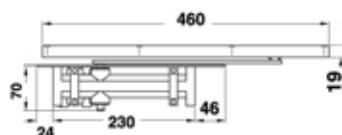
Model / Mã số	GALAXY S-8004/ 8004
Description	Standard door closer
Tên hàng	Tay co thủy lực có điểm dừng (S-8004) hoặc không điểm dừng (8004), lực đẩy 60-85kg
Material	Alloy
Chất liệu	Hợp kim
Durability	500.000 cycles
Độ bền	500.000 vòng
Max door width	1100mm
Rộng cửa tối đa	



Model / Mã số	GALAXY S-8005/ 8005
Description	Standard door closer
Tên hàng	Tay co thủy lực có điểm dừng (S-8005) hoặc không điểm dừng (8005), lực đẩy 100-120kg
Material	Alloy
Chất liệu	Hợp kim
Durability	500.000 cycles
Độ bền	500.000 vòng
Max door width	1200mm
Rộng cửa tối đa	



Model / Mã số	GALAXY 8006
Description	Standard door closer
Tên hàng	Tay co thủy lực không điểm dừng
	Lực đẩy 100-150kg
Material	Alloy
Chất liệu	Hợp kim
Durability	500.000 cycles
Độ bền	500.000 vòng
Max door width	1300mm
Rộng cửa tối đa	



Model / Mã số	GALAXY 384-1
Description	Concealed door closer
Tên hàng	Tay co thủy lực âm có điểm dừng, hold opening
	Lực đẩy 50-90kg
Material	Alloy
Chất liệu	Hợp kim

BUTT FOR STEEL DOOR



- Model GALAXY 304/ 201
- Mã số
- Description Hinge
- Tên hàng Bản lề thẳng
- Dimension 127 mm
- Kích thước
- Material Stainless steel matt (304)
- Vật liệu Inox mờ (304)

BUTT FOR WPC/ABS DOOR



- Model GALAXY WPC
- Mã số
- Description Hinge
- Tên hàng Bản lề âm dương
- Dimension 102x76x3mm
- Kích thước
- Material Stainless steel matt (304)
- Vật liệu Inox mờ (304)



- Model GALAXY 304
- Mã số
- Description Hinge
- Tên hàng Bản lề thẳng
- Material Copper
- Vật liệu Mạ đồng



- Model GALAXY N81/N115/N150
- Mã số
- Description Floor Hinge
- Tên hàng Bản lề sàn không điểm dừng
- Có phụ kiện
- Dimension 270mm
- Kích thước
- Weight 80-100kg/ 115kg/150kg
- Tải trọng

SECURITY DOOR GUARD



- Model 823
- Mã số
- Description Door guard
- Tên hàng Chốt an toàn
- Material Zinc Alloy
- Chất liệu Hợp kim kẽm
- Dimension 98x68mm
- Kích thước
- Finish Satin
- Bề mặt Mờ

LEVER ACTION FLUSH BOLT



- Model GALAXY - 150
- Mã số
- Description Door latch
- Tên hàng Chốt âm
- Dimension 25x200mm
- Kích thước
- Material Stainless steel matt (304)
- Vật liệu Inox mờ (304)

DOOR STOPS



- Description Door stop
- Tên hàng Chặn cửa gắn tường
- Material Zinc Alloy
- Chất liệu Hợp kim kẽm
- Dimension 38x74mm
- Kích thước
- Finish Satin
- Bề mặt Mờ

FLOOR MOUNTED DOOR STOP



- Description Door stop
- Tên hàng Chặn cửa bán nguyệt
- Dimension 46x28mm
- Kích thước
- Material Stainless steel matt(304)
- Vật liệu Inox mờ (304)

SHUTTER DOOR ENGINE



DOOR SILL SS 201/304



GIOĂNG CAO SU NGĂN KHÓI



DOOR VIEWER



- Description Door viewer
- Tên hàng Mắt quan sát
- Material Brass
- Chất liệu Đồng thau
- Dimension 30x16x28mm
- Kích thước
- Finish Antique Copper
- Bề mặt Màu bạc

MATERIALS

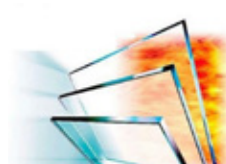
HGF



MAGIE OXIT



FIRE RESISTING GLASS



- Description Fire resisting glass EI
- Tên hàng Kính chống cháy EI
- Thickness 15 - 56mm
- Độ dày
- Safety 15-120 minute
- Mức độ an toàn 15-120 phút

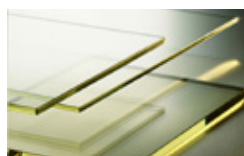
ROCKWOOL



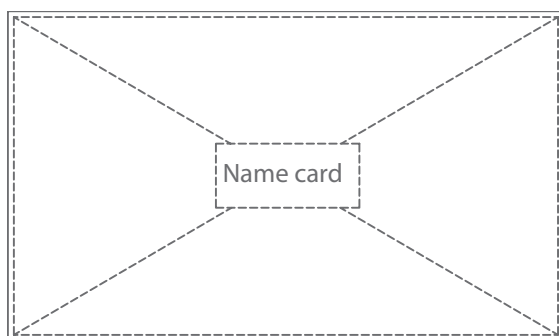
HONEYCOMB PAPER



- Description Fire resisting glass E
- Tên hàng Kính chống cháy E
- Thickness 6mm - 8mm
- Độ dày
- Safety 30 - 60 minute
- Mức độ an toàn 30 - 60 phút



- Description Lead glass
- Tên hàng Kính chì
- Thickness 10mm/ 12mm
- Độ dày



Hanoi Office: 5th Floor, Vietnam Journalists Association Building, LotE2,
Duong Dinh Nghe Street, Yen Hoa Ward, Hanoi, Vietnam;
Hotline: (84) 914877796

Factory: Lot 2 Binh Xuyen Industrial Zone, Binh Nguyen Commune, Phu Tho
Province, Vietnam.